

TỈNH ỦY QUẢNG NINH
TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ

*

BÁO CÁO TỔNG HỢP

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG

Tên đề tài

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
TRONG BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH TẠI CÁC XÃ
BIÊN GIỚI CỦA TỈNH QUẢNG NINH

Mã số: NVC33

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Đặng Thành Dương

ThS. Ngô Thị Ninh Dung.

Đơn vị chủ trì: Khoa Xây dựng Đảng

Quảng Ninh, tháng 11 năm 2024

TỈNH ỦY QUẢNG NINH
TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ

*

BÁO CÁO TỔNG HỢP

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG

NĂM 2024

Tên đề tài

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
TRONG BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH TẠI CÁC XÃ
BIÊN GIỚI CỦA TỈNH QUẢNG NINH

Mã số: NVC33

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Đặng Thành Dương

ThS. Ngô Thị Ninh Dung.

Đơn vị chủ trì: Khoa Xây dựng Đảng.

Thành viên tham gia: ThS. Hoàng Thị Thu Hiền

ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền.

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

Quảng Ninh, tháng 11 năm 2024

LỜI CẢM ƠN

Để thực hiện và hoàn thành đề tài nghiên cứu này, nhóm tác giả đã nhận được sự hỗ trợ, tạo điều kiện của Ban Giám hiệu và các khoa, phòng trong nhà trường; sự giúp đỡ của Ban Dân tộc tỉnh và các xã Quảng Đức, Bắc Sơn, Đồng Văn. Đề tài được hoàn thành còn dựa trên sự tham khảo, học tập kinh nghiệm từ các kết quả nghiên cứu liên quan, các sách, báo chuyên ngành của nhiều tác giả khác.

Tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng đề tài nghiên cứu không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Nhóm tác giả kính mong các nhà khoa học, đồng nghiệp, những người quan tâm góp ý, bổ sung để đề tài được hoàn thiện hơn.

Quảng Yên, ngày 02 tháng 12 năm 2024

Chủ nhiệm đề tài

Đặng Thành Dương - Ngô Thị Ninh Dung

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	7
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.....	7
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	8
3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.....	12
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	13
5. Phương pháp nghiên cứu.....	14
6. Kết cấu của đề tài nghiên cứu.....	14
 Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH TẠI BIÊN GIỚI	15
1.1. Một số khái niệm.....	15
1.1.1. Khái niệm dân tộc thiểu số	15
1.1.2. Khái niệm quốc phòng, an ninh.	15
1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc.....	16
1.2.1. Các dân tộc đoàn kết, bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	17
1.2.2. Quan tâm phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	17
1.3. Quan điểm của Đảng về công tác dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh....	18
1.3.1. Quan điểm của Đảng về công tác dân tộc.	18
1.3.2. Quan điểm của Đảng về bảo đảm quốc phòng, an ninh.	21
1.4. Quan điểm của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về công tác dân tộc gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.....	26
1.5. Vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại biên giới.....	27

1.5.1. Đồng bào dân tộc thiểu số tham gia phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.	27
1.5.2. Đồng bào dân tộc thiểu số tích cực giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hoá dân tộc.	29
1.5.3. Đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội	30
1.5.4. Đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện đối ngoại nhân dân góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh.	31
1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát huy vai trò đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh.....	32
1.6.1. Yếu tố đường lối, chủ trương, chính sách.	32
1.6.2. Yếu tố dân trí.	33
1.6.3. Yếu tố tiềm lực kinh tế	33
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH TẠI CÁC XÃ BIÊN GIỚI CỦA TỈNH QUẢNG NINH TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2024.	36
2.1. Đặc điểm tình hình.....	36
2.2. Thực trạng phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2024.....	38
2.2.1. Đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.	38
2.2.2. Đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia vào quá trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống.	47
2.2.3. Đồng bào các dân tộc thiểu số phối hợp cùng các lực lượng vũ trang giữ gìn trật tự, an ninh.	52

2.2.4. Đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động đối ngoại nhân dân.	57
2.3. Một số khó khăn, hạn chế.....	60
2.3.1. Trong phát triển kinh tế.	60
2.3.2. Trong bảo tồn văn hóa truyền thống.	61
2.3.3. Trong giữ gìn an ninh, trật tự.	62
2.3.4. Trong việc tham gia các hoạt động đối ngoại nhân dân.	62
2.4. Nguyên nhân của hạn chế.....	63
2.4.1. Nguyên nhân khách quan.	63
2.4.2. Nguyên nhân chủ quan.	63
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH TẠI CÁC XÃ BIÊN GIỚI CỦA TỈNH QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN 2025-2030.	
66	
3.1. Dự báo tình hình khu vực biên giới thời gian tới.....	66
3.1.1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội.	66
3.1.2. Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước.	67
3.1.3. Tình hình quốc phòng, an ninh.	68
3.2. Các giải pháp phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh.....	68
3.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền sở tại và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cho đồng bào các dân tộc thiểu số về nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.	68
3.2.2. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện các giải pháp phát triển bền vững kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.	74

3.2.3. Bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.	80
3.2.4. Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và hệ thống chính trị vững mạnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.	81
3.2.5. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhân dân khu vực biên giới.	83
3.3. Một số kiến nghị.....	84
3.3.1. Đối với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.	84
3.3.2. Đối với các địa phương biên giới của tỉnh Quảng Ninh.	85
KẾT LUẬN	87
TÀI LIỆU THAM KHẢO	88

DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Bảng 1: Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã biên giới.	36
Bảng 2: Tỷ lệ bê tông hóa đường giao thông cấp xã.	39
Bảng 3: Tỷ lệ người dân được sử dụng điện.	40
Bảng 4: Thực trạng hạ tầng y tế tại cơ sở.	41
Bảng 5: Tỷ lệ phủ sóng điện thoại và phát thanh, truyền hình.	41
Bảng 6: Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo qua các năm.	42
Bảng 7. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.	44
Bảng 8: Thu nhập bình quân đầu người.	45
Bảng 9: Phối hợp tuần tra biên giới giữa nhân dân và lực lượng vũ trang.	54
Bảng 10: Số lượng thông tin tố giác tội phạm quần chúng nhân dân cung cấp cho lực lượng vũ trang.	56

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Suốt chiều dài của lịch sử dân tộc, những vùng đất biên cương thiêng liêng của Tổ quốc đã được các thế hệ đồng bào dân tộc thiểu số kiên cường và bền bỉ, đoàn kết đấu tranh, dựng xây trở thành “phên dậu” của đất nước. Đồng bào các dân tộc thiểu số đã góp phần rất lớn vào cuộc đấu tranh giành và giữ độc lập của dân tộc. Khu vực miền núi, biên giới là địa bàn chiến lược có vị trí, vai trò quan trọng cả về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại không chỉ trong chiến tranh giải phóng dân tộc trước đây, mà còn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Vì thế, miền núi, biên giới là một trong những trọng điểm chống phá trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, ly khai của các thế lực thù địch. Điều đáng chú ý là, đồng bào các dân tộc thiểu số luôn có ý thức đoàn kết dân tộc, một lòng đi theo Đảng, đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp cách mạng. Bên cạnh đó vẫn còn một số ít đồng bào bị lợi dụng, lôi kéo để chia rẽ với người Kinh. Đó là hậu quả của chính sách “chia để trị” của thực dân Pháp và các thủ đoạn phá hoại đoàn kết dân tộc của đế quốc Mỹ trong thời kỳ xâm lược nước ta cũng như hoạt động chống, phá của các thế lực thù địch hiện nay; trong đó, nổi bật là nhóm người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên có tư tưởng ly khai, đòi thành lập “Nhà nước Đê-ga độc lập”; một bộ phận người Mông ở khu vực Tây Bắc bị xúi giục, kích động đòi thành lập “Vương quốc Mông tự trị”.

Từ khi đất nước hòa bình đến nay, nhất là những năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có bước chuyển biến tích cực, đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên, xã hội có nhiều khó khăn, nên ở nhiều vùng miền núi, biên giới kinh tế chậm phát triển, đời sống của đồng bào còn nhiều khó khăn, tỷ lệ đói nghèo cao so với bình quân chung của cả nước. Kèm theo đó là trình độ dân trí chưa đồng đều, các tập tục lạc hậu đã ăn sâu, bám rễ, trở thành nếp sống trong sinh hoạt hằng ngày của đồng bào. Lợi dụng điều đó, các thế lực thù địch ra sức xuyên tạc, kích động, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định

chính trị - xã hội trên địa bàn. Nguy hiểm hơn, chúng lợi dụng một số vấn đề nhạy cảm, như biên giới, dân tộc và tôn giáo, gây mất ổn định an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội nhằm thực hiện âm mưu bạo loạn về chính trị, điển hình là các vụ bạo loạn vào năm 2001, 2004, 2008, 2023. Hiện nay, vấn đề dân tộc, tôn giáo đang hết sức nhạy cảm, tiếp tục được các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá cách mạng nước ta, hòng làm suy yếu và cô lập Việt Nam trong quan hệ quốc tế, kích động chống đối ở trong nước và tạo cơ can thiệp từ bên ngoài.

Quảng Ninh là tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo nằm ở phía Đông Bắc của Tổ quốc. Đồng bào dân tộc thiểu số có 162.531 người, chiếm 12,31% dân số toàn tỉnh, cư trú trên hơn 85% diện tích của tỉnh. Trong đó tập trung chủ yếu khu vực miền núi và biên giới. Biên giới là “phên dậu” vững chắc của Tổ quốc, là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh trong việc bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, chống âm mưu xâm nhập, gây bạo loạn, lật đổ, bảo vệ sự nghiệp hoà bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để phát huy lợi thế vị trí địa lý của tỉnh và vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số, những năm qua Quảng Ninh đã có nhiều chủ trương, chính sách, tập trung nguồn lực, ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế và xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là ở khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng vùng biên giới của tỉnh. Nhờ đó, Quảng Ninh đã thực hiện thành công mục tiêu đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, về đích chương trình xây dựng nông thôn mới. Tỉnh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Trung ương. Thu nhập bình quân đầu người tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn đạt gần 33 triệu đồng/năm, gấp 2,6 lần năm 2015. Việc quan tâm, chăm lo, hỗ trợ người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới không chỉ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch giữa các vùng miền ở Quảng Ninh, mà còn góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh.

Bên cạnh những kết quả đạt được vùng đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay vẫn còn hạn chế như: điều kiện giao thông, cơ sở vật chất còn khó khăn; thu nhập của đồng bào dân tộc mặc dù đã được nâng cao nhưng khoảng cách còn khá xa so với mặt bằng chung của tỉnh; lợi dụng nhận thức của một bộ phận đồng bào dân

tộc còn hạn chế các thế lực thù địch có thể lợi dụng, lôi kéo hòng phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc... Từ thực tế trên cho thấy, việc phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc thiểu số trong bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh ở các xã biên giới có ý nghĩa hết sức quan trọng, là một trong những vấn đề mang tính quy luật, không chỉ có ý nghĩa về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, mà quan trọng hơn là bảo đảm đời sống người dân, trực tiếp thực hiện tốt các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước nói chung và của tỉnh Quảng Ninh nói riêng, góp phần to lớn vào việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ vững chắc “phên dậu” Tổ quốc. Đây là vấn đề chiến lược, vừa mang tính cơ bản, lâu dài, vừa cấp thiết đối với khu vực miền núi, biên giới của tỉnh Quảng Ninh. Vì thế, việc phát huy vai trò của đồng bào dân tộc trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới tỉnh Quảng Ninh rất quan trọng, cần được tiếp tục nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn.

Xuất phát từ thực tế trên, nhóm tác giả đã lựa chọn nội dung ***“Phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh”*** làm đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2024.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Vấn đề dân tộc, đặc biệt là các dân tộc thiểu số là một chủ đề lớn, được sự quan tâm sâu sắc. Do đó đã có nhiều tác giả, nhiều đề tài đi sâu nghiên cứu nội dung này. Mỗi đề tài tiếp cận ở những khía cạnh, góc độ khác nhau nhưng đều có những đóng góp nhất định về cơ sở lý luận và thực tiễn. Trong đó phải kể đến một số công trình tiêu biểu:

2.1. Sách đã xuất bản.

- Hội đồng dân tộc của Quốc hội (2001), *Chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về dân tộc*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- Lê Ngọc Thắng, *Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam*, Nhà xuất bản Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2005.
- Đặng Văn Hường, *Dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng, nhà nước ta (hỏi – đáp)*, Nxb Quân đội nhân dân, 2016.

- Văn Lập, *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số*, Nxb Hồng Đức, 2018

- *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

- *Giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo ở Việt Nam hiện nay nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.

Các công trình trên đã tập trung nghiên cứu các vấn đề về dân tộc, công tác dân tộc, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, những giải pháp thực hiện các vấn đề dân tộc - tôn giáo ở Việt Nam. Một số công trình cũng tập trung nghiên cứu các khía cạnh khác nhau về vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2. Các đề tài khoa học.

- Công trình “*Vấn đề dân tộc và định hướng xây dựng chính sách dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” (2002) của Viện nghiên cứu chính sách dân tộc miền núi. Nội dung trình bày những vấn đề lý luận, nhận thức về dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta. Những định hướng cơ bản trong việc quy hoạch dân cư, đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Trong đó có những kiến nghị các giải pháp giải quyết kịp thời những vấn đề về kiện toàn hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc, tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, sớm ổn định và cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc. Đây là tài liệu tham khảo bổ ích thiết thực cho các cơ quan làm công tác văn hóa dân tộc miền núi và vùng dân tộc thiểu số.

- Luận án “*Thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*” (2006) - Luận án Tiến sĩ Triết học của Nguyễn Thị Phương Thủy.

- Đề tài khoa học “*Đổi mới nội dung, phương thức vận động nhằm phát huy tính tích cực, ý chí tự lực tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững*”, (2021) do TS. Phạm Tất Thắng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban thường trực Ban Dân vận Trung ương làm Chủ nhiệm. Đề tài làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn công tác dân vận ở vùng đồng bào

dân tộc thiểu số; đưa ra giải pháp nhằm phát huy tính tích cực, ý chí tự lực tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững.

2.3. Hội thảo, báo cáo khoa học.

- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng (2010) *Chính sách đối với các dân tộc thiểu số thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Hiện trạng và một số vấn đề đặt ra*. Hội thảo đã đưa ra cái nhìn thực tiễn trong quá trình tổ chức và thực hiện các chính sách, từ đó tìm ra các giải pháp kiến nghị với Nhà nước nhằm hoàn thiện nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống chính sách đối với các dân tộc thiểu số thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn ở nước ta.

- Trường Đại học Hồng Đức (2021) *Giải pháp giải quyết vấn đề dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay*. Hội thảo đã tập trung trao đổi, thảo luận về những nội dung chủ yếu: Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc và giải quyết mối quan hệ giữa các dân tộc; thực tiễn việc giải quyết vấn đề dân tộc; giải pháp giải quyết vấn đề dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay.

- Viện Dân tộc học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2023), *Một số vấn đề mới về dân tộc ở nước ta hiện nay*. Hội thảo đã đề cập đến những vấn đề mới nổi trong ý thức cộng đồng các dân tộc thiểu số, những biến tiếp liên quan đến văn hóa, chính trị, kinh tế; bổ sung, nhận diện rõ hơn được các vấn đề mới nổi trong công tác dân tộc có liên quan đến vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, biên giới, ven biển và hải đảo; đánh giá được những sự ảnh hưởng của các vấn đề như: mâu thuẫn và xung đột tộc người; sự khác biệt và đa dạng văn hóa; bảo tồn văn hóa; ý thức tộc người; liên hôn; chiến lược phát triển kinh tế dựa trên nền tảng kinh tế địa phương; vai trò chủ thể của cộng đồng tộc người trong xây dựng nông thôn mới; vấn đề cộng đồng dân tộc - tôn giáo; phân hóa giàu nghèo... làm cơ sở cho dự báo xu hướng mới trong công tác phát triển và giải quyết các vấn đề liên quan đến tộc người và phát triển bền vững.

2.4. Các bài báo khoa học đăng trên tạp chí.

- Trung tướng Trần Quang Phương, *“Phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc thiểu số trong xây dựng tiềm lực quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên”*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, 10-08-2017.

- Nguyễn Thị Thu Thanh, *Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới*, Tạp chí Cộng sản, ngày 03-04-2021.

- TS Lê Xuân Hoa, *“Chủ trương của Đảng về công tác dân tộc và một số giải pháp thực hiện”*, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, ngày 21-9-2022.

- Nguyễn Thử, *“Thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc ở Việt Nam”*, Tạp chí Tuyên giáo, ngày 19-11-2023.

2.5. Các bài viết đăng trên website.

- Thanh Hải (2023), *Phát huy vai trò của đồng bào dân tộc, tôn giáo trong giữ gìn an ninh, trật tự”*.

- Mai Diệu Anh (2022), *“Phát huy vai trò đồng bào dân tộc thiểu số trong xây dựng tiềm lực an ninh quốc gia”*.

- Trần Châu (2019), *“Phát huy hiệu quả phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đối với công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện Sa Thầy”*.

- Ngọc Nga (2023), *“Hiệu quả Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số”*.

- Thông tấn xã Việt Nam (2021), *“Tăng cường tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số”*.

- Vũ Thị Phương (2023), *“Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào Dân tộc thiểu số”*.

Những công trình nghiên cứu trên đã đề cập đến tình hình dân tộc ở nước ta, thể hiện quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước trong việc chăm lo, phát triển các dân tộc ở nước ta.

Các công trình nghiên cứu nêu trên là nguồn tư liệu có giá trị để tham khảo và học hỏi trong quá trình thực hiện đề tài.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.

3.1 Mục tiêu.

** Mục tiêu tổng quát:*

Trên cơ sở khái quát những vấn đề lý luận liên quan đến vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh; đánh giá thực trạng vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn 2021-2024 để đề xuất một số giải pháp phát huy hơn nữa vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2025-2030.

** Mục tiêu cụ thể:*

- Khái quát những vấn đề lý luận về vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh.
- Đánh giá vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn vừa qua.
- Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hơn nữa vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

4.1. Đối tượng nghiên cứu.

Đề tài tập trung nghiên cứu việc phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu.

+ *Về nội dung:* Phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh với những nội dung: phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tuyên truyền, bảo đảm quốc phòng, an ninh và thực hiện đối ngoại nhân dân.

+ *Về không gian:* các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh, trong đó tập trung vào một số địa phương như xã Bắc Sơn (Thành phố Móng Cái), xã Đồng Văn (huyện Bình Liêu), xã Quảng Đức (huyện Hải Hà).

+ *Về thời gian*: Đề tài nghiên cứu thực trạng phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2024 và đề xuất giải pháp giai đoạn 2025-2030.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Đề tài được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử trong học thuyết Mác - Lênin; quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước, chính sách của tỉnh Quảng Ninh để xác định cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, phương pháp tiếp cận, nghiên cứu, phân tích, đánh giá nhiệm vụ phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh.

Đề tài chủ yếu sử dụng các phương pháp chung, phổ biến trong nghiên cứu khoa học gồm: phương pháp hệ thống, phân tích và tổng hợp; phương pháp thu thập tài liệu trên các thông tin chính thức; phương pháp tổng kết thực tiễn để đánh giá thực trạng đối tượng nghiên cứu.

6. Kết cấu của đề tài nghiên cứu.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại biên giới.

Chương 2: Thực trạng phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2024.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2025 – 2030.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH TẠI BIÊN GIỚI.

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Khái niệm dân tộc thiểu số

Khái niệm dân tộc được hiểu trên các bình diện chủ yếu: dân tộc - cộng đồng tộc người, dân tộc - quốc gia, dân tộc - cộng đồng tộc người thiểu số.

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài khoa học này, nhóm tác giả xin tập trung nghiên cứu làm rõ khái niệm dân tộc - cộng đồng tộc người thiểu số.

Theo khoản 2 Điều 4 Nghị định 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc. Giải thích từ “*Dân tộc thiểu số*” là *những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.

Dân tộc theo nghĩa dân tộc thiểu số (hay tộc người thiểu số) là cộng đồng mang tính tộc người được hình thành lâu dài trong lịch sử, có thể là bộ phận chủ thể hay thiểu số của một dân tộc sinh sống ở nhiều quốc gia - dân tộc khác nhau được liên kết với nhau bằng những đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa và nhất là ý thức tự giác tộc người.

Theo nghĩa hiểu này ở Việt Nam ngoài dân tộc Kinh, có 53 dân tộc thiểu số như dân tộc Tày, Dao, Mường, Mông, Khmer, Êđê....Phần lớn đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

1.1.2. Khái niệm quốc phòng, an ninh.

Theo Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam, quốc phòng (phòng thủ quốc gia) là công việc giữ nước của một quốc gia, bao gồm tổng thể các hoạt động đối nội và đối ngoại trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, xã hội... tạo nên sức mạnh toàn diện, cân đối trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng nhằm mục đích bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tạo môi trường trong nước hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước. Như vậy, quốc phòng là lĩnh vực liên quan đến sự an nguy, mất còn của quốc gia, dân tộc.

Luật Quốc phòng 2018 giải thích: Quốc phòng là công cuộc giữ nước bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng, lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

Theo Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam, “An ninh là trạng thái ổn định, an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm để đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, của tổ chức, của từng lĩnh vực hoạt động xã hội hoặc của toàn xã hội”. Nội hàm của an ninh không chỉ giới hạn ở tình trạng, mà còn bao gồm cả biện pháp để mang lại tình trạng đó, tức là hành động để thực hiện an ninh.

Theo quan điểm của Đảng, mục tiêu của quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ an ninh quốc gia trên mọi lĩnh vực: an ninh chính trị, kinh tế, văn hoá, chủ quyền, lãnh thổ, dân cư, môi trường, dân tộc, tôn giáo... của quốc gia.

Tại khoản 1 điều 15 của Luật an ninh quốc gia năm 2004 quy định các biện pháp nhằm bảo vệ an ninh quốc gia trong đó có “biện pháp vận động quần chúng”, huy động và sử dụng nguồn sức mạnh của các tổ chức, cá nhân, cơ quan tham gia vào việc bảo vệ trật tự, an ninh quốc gia.

Bảo đảm quốc phòng, an ninh ở biên giới là tổng hợp các hoạt động của cả hệ thống chính trị cùng với sự tham gia của quần chúng nhân dân, trong đó các lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, nhằm bảo đảm vững chắc về quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện phát triển bền vững vùng biên giới.

Như vậy, bảo đảm quốc phòng, an ninh cần huy động mọi lực lượng, trong đó không thể thiếu vai trò của nhân dân. Đối với khu vực biên giới, đây là địa bàn sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc thiểu số, do vậy cần phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số. Để phát huy vai trò đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh cần phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân; trong bảo tồn, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc; trong phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội; trong thực hiện đối ngoại nhân dân.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho các thế hệ sau những di sản quý báu về nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực dân tộc. Đặc biệt, Người đã vận dụng lý luận Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc thiểu số ở Việt Nam và được thể hiện ở các nội dung sau đây:

1.2.1. Các dân tộc đoàn kết, bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hồ Chí Minh cho rằng: “Nhờ sức đoàn kết tranh đấu chung của tất cả các dân tộc, nước Việt Nam ngày nay được độc lập, các dân tộc thiểu số được bình đẳng cùng dân tộc Việt Nam, tất cả đều như anh chị em trong một nhà, không còn có sự phân chia nòi giống, tiếng nói gì nữa. Trước kia các dân tộc để giành độc lập phải đoàn kết, bây giờ để giữ lấy nền độc lập càng cần đoàn kết hơn nữa”¹

Tư tưởng Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến sự bình đẳng giữa dân tộc nên Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng năm 1951 đã thể hiện: “Các dân tộc sống trên đất Việt Nam đều được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, phải đoàn kết giúp đỡ nhau để kháng chiến và kiến quốc... Cải thiện đời sống cho các dân tộc thiểu số, giúp đỡ họ tiến bộ về mọi mặt, đảm bảo để họ tham gia chính quyền và dùng tiếng mẹ đẻ trong việc giáo dục ở các địa phương thiểu số”².

1.2.2. Quan tâm phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam được Hồ Chí Minh dành một sự quan tâm đặc biệt và một sự cảm thông sâu sắc. Người nói: “Dưới chế độ thực dân và phong kiến, đồng bào rẻo cao sống rất cực khổ. Ngày nay, đồng bào rẻo cao được tự do bình đẳng, không bị áp bức bóc lột như trước kia. Nhưng đời sống vật chất và văn hóa chưa được nâng cao mấy. Đó là vì cán bộ lãnh đạo không chú ý đầy đủ đến đồng bào rẻo cao. Bác thay mặt Trung ương và Chính phủ giao cho cán bộ từ tỉnh đến xã phải ra sức giúp đỡ hơn nữa cho đồng bào rẻo cao về mọi mặt”³.

Bác hiểu rất rõ các dân tộc ở Việt Nam do nhiều nguyên nhân khác nhau nên có sự phát triển không đồng đều về kinh tế, xã hội, Hồ Chí Minh chủ trương phải

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t4, tr130.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2001, t.13, tr.261

³ Sđđ, t.10, tr.323.

có sự giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, phải làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, làm cho đồng bào các dân tộc thiểu số được hưởng đầy đủ hơn những quyền lợi về chính trị, kinh tế, văn hóa. “Chính phủ sẽ gắng sức giúp cho các dân tộc thiểu số về mọi mặt. Các dân tộc được tự do bày tỏ nguyện vọng và phải cố gắng để cùng giành cho bằng được độc lập hoàn toàn, tự do và thái bình”⁴. Đồng thời phải xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng hệ thống chính trị các vùng dân tộc thiểu số. Người căn dặn: “*Phải chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc cán bộ miền núi. Cố nhiên cán bộ người Kinh phải giúp đỡ anh em cán bộ địa phương...chứ không phải là bao biện làm thay*”⁵

Riêng về văn hóa, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến lĩnh vực này với chủ trương phải tôn trọng những giá trị, bản sắc văn hoá, phong tục, tập quán của các dân tộc phát triển hài hoà trong sự phát triển chung của quốc gia dân tộc. Tất cả là để: “phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hoá tiến bộ thế giới để xây dựng một nền văn hoá Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”⁶.

Trên lĩnh vực *giáo dục*, Hồ Chí Minh quan tâm đến việc phát triển bình dân học vị, xoá nạn mù chữ cho đồng bào các dân tộc, phát triển giáo dục miền núi, khôi phục và xây dựng hệ thống chữ viết cho các dân tộc như chữ Thái, Mông. Chú ý xây dựng thêm trường, lớp học, đào tạo thầy cô giáo, nhất là các thầy cô giáo thuộc các dân tộc ít người. Trong *Thư gửi các học sinh Trường sư phạm miền núi Trung ương nhân dịp trường khai giảng* có đoạn viết: “...Các cháu thuộc nhiều dân tộc và ở nhiều địa phương. Nhưng các cháu đều là con em của đại gia đình chung: là gia đình Việt Nam; đều có một Tổ quốc chung: là Tổ quốc Việt Nam. Ngày nay, các dân tộc anh em chúng ta muốn tiến bộ, muốn phát triển văn hóa của mình thì chúng ta phải tẩy trừ những thành kiến giữa các dân tộc, phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau như anh em một nhà”⁷.

⁴ Sđd, t.4, tr.101 - 111.

⁵ Sđd, t13, tr.225

⁶ Sđd, t7, tr.40

⁷ Sđd, t.10, tr.418.

1.3. Quan điểm của Đảng về công tác dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

1.3.1. Quan điểm của Đảng về công tác dân tộc.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, với 53 dân tộc thiểu số. Kể từ ngày thành lập, 94 năm qua (1930 - 2024), Đảng ta luôn vận dụng sáng tạo, hiệu quả chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cùng sự phát triển, không ngừng tự hoàn thiện nhận thức, lý luận về vấn đề dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước và yêu cầu nhiệm vụ đặt ra cho từng thời kỳ.

Ngay từ Đại hội Đảng lần thứ I (tháng 3/1935), Đảng đã ra Nghị quyết về công tác dân tộc thiểu số. Nghị quyết có đoạn nêu rõ: “Đảng Đại hội xét rằng lực lượng tranh đấu của các dân tộc thiểu số là một lực lượng rất lớn”... và “sự miệt thị công tác trong các dân tộc thiểu số là một lầm lỗi chính trị rất to lớn”.⁸

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 2/1951), Đảng chỉ rõ: “Các dân tộc trên đất nước Việt Nam được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, đoàn kết giúp đỡ nhau để kháng chiến và kiến quốc. Kiên quyết chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, đánh đổ âm mưu gây chia rẽ dân tộc của đế quốc và bè lũ tay sai. Cải thiện đời sống đồng bào, giúp họ tiến bộ về mọi mặt, đảm bảo họ tham gia chính quyền và dùng tiếng mẹ đẻ trong giáo dục địa phương thiểu số”.

Tháng 8/1952, Bộ Chính trị có nghị quyết về “Chính sách dân tộc thiểu số của Đảng hiện nay”.

Đại hội IV (1976), Đảng chủ trương: “Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của cách mạng Việt Nam... Chính sách dân tộc của Đảng là thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc, tạo điều kiện cần thiết để xóa bỏ tận gốc chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc ít người với dân tộc đông người; đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp; làm cho tất cả các dân tộc đều có cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc, đoàn kết giúp nhau tiến bộ, cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

⁸ *Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội - 2013, tr.15,

Đại hội VI (1986) là Đại hội của đường lối Đổi mới đất nước, song với vấn đề dân tộc, Đảng ta kiên trì chủ trương: “Phát triển mối quan hệ tốt đẹp gắn bó giữa các dân tộc trên tinh thần đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng làm chủ tập thể, kết hợp phát triển kinh tế và phát triển xã hội”.

Qua các kỳ Đại hội VII đến XII, Đảng ta đều tiếp tục khẳng định lại và bổ sung, đổi mới trong việc đề ra chủ trương, đường lối để lãnh đạo về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc.

Như vậy, có thể thấy rất rõ, qua các thời kỳ khác nhau, với những nhiệm vụ cách mạng khác nhau nhưng quan điểm của Đảng ta về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc, chính sách dân tộc luôn nhất quán quan điểm: “Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng. Thực hiện tốt chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển”⁹, Việt Nam không ủng hộ phân biệt đối xử giữa các dân tộc.

Sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trên cơ sở nhận định sâu sắc tình hình trong nước, thế giới cũng như tầm quan trọng của vấn đề dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12/3/2003, tại Hội nghị lần thứ 7 khóa IX, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc trong tình hình mới. Trong Nghị quyết này, Ban Chấp hành Trung ương đề ra 5 quan điểm, đó là:

Thứ nhất, vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai, các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

Thứ ba, phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội; thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển,

⁹ *Chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc*, Nxb. Văn hoá dân tộc Hà Nội - 2000, Tr 127

bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Thứ tư, ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc thiểu số và miền núi; trước hết, tập trung phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

Thứ năm, công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị.

Riêng đối với Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc trong tình hình mới, Đảng ta đã 2 lần tiến hành tổng kết. Lần đầu vào năm 2009, sau đó, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 57-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW. Lần tổng kết thứ hai vào năm 2019, sau đó, Bộ Chính trị tiếp tục ban hành Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, trong đó Đảng đã đề ra chủ trương, đường lối cho công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030 với rất nhiều điểm mới, mang tính đột phá.

Đến Đại hội XIII (2021), Đảng đã khẳng định chủ trương về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc cho giai đoạn 2021 - 2025, đó là: “Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc trên tất cả các lĩnh vực, nhất là các chính sách đặc thù giải quyết những khó khăn của đồng bào dân tộc thiểu số. Tạo sinh kế, việc làm, định canh, định cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Tập trung triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số có dưới 10.000 người, đặc biệt là những dân tộc thiểu số có nguy cơ suy giảm giống nòi”.

Như vậy, về mặt đối nội, hệ thống các quan điểm, đường lối vấn đề dân tộc của Đảng là mục tiêu, căn cứ, cơ sở chính trị để Nhà nước thể chế thành Hiến pháp, pháp luật và các chính sách dân tộc, huy động các tổ chức chính trị - xã hội

cùng phối hợp thực hiện, tạo ra sức mạnh tổng thể của cả hệ thống chính trị cùng nhau xây dựng các mối quan hệ dân tộc tốt đẹp; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa mang đặc trưng của Việt Nam.

1.3.2. Quan điểm của Đảng về bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Vấn đề tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của cách mạng Việt Nam. Đó là quan điểm nhất quán đã được khẳng định một cách sâu sắc và rõ nét trong các Nghị quyết của Đảng.

Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) ra Nghị quyết số 24- NQ/TW ngày 12/3/2003 “Công tác dân tộc” thể hiện rõ quan điểm về quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi: “Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất”. Mục tiêu: “Giữ vững an ninh, quốc phòng ở vùng dân tộc và miền núi; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh, quốc phòng ở các địa bàn xung yếu vùng sâu, biên giới, ngăn chặn việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, làm mất ổn định xã hội”.

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về “Chiến lược quốc phòng Việt Nam” đã khẳng định quan điểm của Đảng ta về quốc phòng, an ninh xác định mục tiêu chiến lược là “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền hòa bình vững chắc của đất nước; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; tham gia bảo vệ hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới. Không để đất nước bị động, bất ngờ về chiến lược, giữ vững ổn định chính trị - xã

hội; đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch và các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; ngăn chặn nguy cơ chiến tranh và xung đột vũ trang; đẩy mạnh hợp tác và đấu tranh quốc phòng; xử lý thắng lợi các tình huống quốc phòng, sẵn sàng đánh thắng mọi hình thái chiến tranh xâm lược”. Khẳng định sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng “thế trận lòng dân” là nhân tố quyết định thắng lợi; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, lợi ích cao nhất của quốc gia - dân tộc. Kiên trì đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân; kiên trì, kiên quyết đấu tranh giải quyết tranh chấp, bất đồng bằng biện pháp hòa bình, dựa vào luật pháp quốc tế và cơ chế, quy tắc khu vực. Chiến lược Quốc phòng Việt Nam đề ra nguyên tắc về đối nội và đối ngoại. Đồng thời, đề ra phương châm chỉ đạo “dĩ bất biến, ứng vạn biến” cả trong đối nội và đối ngoại, thời bình và thời chiến; độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc là “bất biến” và phải giữ “trong âm, ngoài êm”; lấy con người làm trung tâm, “người trước, súng sau”. Trong mọi tình huống, kiên quyết giữ vững sự lãnh đạo của Đảng; chủ động tự bảo vệ, theo phương châm: Làng giữ làng, huyện giữ huyện, tỉnh giữ tỉnh, không trông chờ, ỷ lại. Trên cơ sở đó, đề ra phương thức xây dựng nền quốc phòng toàn dân, hợp tác và đấu tranh quốc phòng theo từng tình huống. Để thực hiện mục tiêu đó, Chiến lược Quốc phòng Việt Nam đề ra 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, nhằm đảm bảo “Đảng vững, nước giàu, dân yên, quân mạnh, thêm bạn bớt thù”.

Nghị quyết số 33- NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị về “Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia” đã xác định rõ mục tiêu chung là “... Xây dựng biên giới quốc gia hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác; bảo vệ, phòng thủ vững chắc biên giới quốc gia; góp phần phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở khu vực biên giới và cả nước”. Mục tiêu cụ thể: “Phòng ngừa, ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hành động xâm phạm biên giới quốc gia, phá hoại mốc quốc giới, cửa khẩu, công trình biên giới trên đất liền, trên biển, đảo...”; “Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, đối ngoại quốc phòng,

đối ngoại biên phòng với lực lượng bảo vệ biên giới của các nước láng giềng và lực lượng chức năng của các nước có liên quan; hoàn thành công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia; đẩy nhanh tiến trình giải quyết tranh chấp, phân định biên giới trên biển với các nước láng giềng; quản lý, bảo vệ đường biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển”.

Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về “Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia” nhất quán quan điểm chỉ đạo: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng “thể trận lòng dân” vững chắc. Thường xuyên chăm lo củng cố niềm tin của nhân dân, nhất là nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; chủ động nắm chắc địa bàn, dân cư, đời sống của nhân dân để tham mưu, giúp địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh.

Tại Kết luận 65-KL/TW, Ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị “về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW về công tác dân tộc trong tình hình mới” nhấn mạnh Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể nhân dân các cấp tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX nhằm phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cần chú trọng các nội dung an ninh quốc phòng như xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chủ động nắm chắc tình hình, giải quyết những mâu thuẫn ngay từ cơ sở, kiên quyết không để xảy ra các “điểm nóng”, “điểm phức tạp” về an ninh trật tự, đặc biệt ở các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Duyên hải miền Trung. Chủ động đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật, buôn bán người, ma túy, xâm phạm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nhất là ở khu vực biên giới. Tăng cường quan hệ hợp tác, đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân vùng biên giới.

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định nhất quán nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và bổ sung rõ hơn, rộng hơn, toàn diện hơn về nhiều vấn đề mới, thể hiện tư duy, tầm nhìn chiến lược của Đảng đối với sự

nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹⁰. Như vậy, mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh tiếp tục được Đảng ta khẳng định nhất quán, xuyên suốt, nhưng có sự bổ sung rõ hơn, toàn diện hơn cả về nội hàm và phạm vi bảo vệ. Điểm nhấn ở đây được văn kiện lần này chỉ rõ: Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc không đơn thuần là để ứng phó với chiến tranh; mà vấn đề quan trọng và thiết yếu hơn là, tạo ra sức mạnh để *giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, nhằm xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng, là sự vận dụng nhuần nhuyễn lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: Bảo vệ phải gắn với xây dựng, xây dựng phải đi đôi với bảo vệ. Mục tiêu của bảo vệ là để giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho xây dựng và phát triển đất nước; xây dựng, phát triển đất nước sẽ tác động trở lại tạo cơ sở, tiền đề bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Mục tiêu là giải quyết mối quan hệ biện chứng sâu sắc giữa việc bảo vệ Tổ quốc về mặt tự nhiên - lịch sử với việc bảo vệ Tổ quốc về mặt chính trị - xã hội trong tính chỉnh thể thống nhất; chỉ rõ hướng đích phát triển đất nước là theo *định hướng xã hội chủ nghĩa*; vì vậy, phải gắn chặt việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ với bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; phải gắn chặt việc giữ vững ổn định chính trị, xã hội với bảo vệ môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Mục tiêu đó cũng khẳng định rõ lập trường và ý chí của toàn dân tộc quyết tâm, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Đây là quan điểm biện chứng khách quan, cụ thể, lịch sử và phát triển, đáp ứng sự phát triển của tình hình thế giới, khu vực, của đất nước và yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

¹⁰ Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 156

1.4. Quan điểm của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về công tác dân tộc gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định 05 nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ, trong đó có nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh: “bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh”.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 17/5/2021 “về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh tại các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” đặt trọng tâm trực tiếp đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới của tỉnh Quảng Ninh. Nghị quyết đưa ra quan điểm “Phát triển bền vững kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo chênh lệch vùng miền trong tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của các địa phương”. “Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với giữ gìn bản sắc văn hoá, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh trong từng chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo. Phát triển kinh tế - xã hội dựa vào các trụ cột thiên nhiên, con người, văn hóa...; lấy công nghiệp, dịch vụ thúc đẩy nông nghiệp, lấy đô thị dẫn dắt nông thôn để tạo ra sự chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, chất lượng mọi mặt cuộc sống của Nhân dân”; “tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và sự đồng thuận xã hội; củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển

có ý nghĩa chiến lược”. Đối tượng mà nghị quyết hướng đến là đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống tại khu vực miền núi, biên giới và hải đảo tỉnh Quảng Ninh. Nội dung trọng tâm phát triển kinh tế là nâng cao thu nhập bình quân đầu người nhằm thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo chênh lệch vùng miền trong tỉnh. Nghị quyết thể hiện rõ quan điểm của tỉnh về phát triển bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phát triển kinh tế phải song song với bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hoá, đồng thời bảo vệ môi trường. Sự phát triển bền vững đó là để hướng đến mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương và góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Đây là nghị quyết đầu tiên và chiến lược, thể hiện sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị tỉnh trong việc xây dựng, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo một cách bền vững trên mọi lĩnh vực, nâng cao chất lượng cuộc sống và mang lại hạnh phúc cho người dân.

1.5. Vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại biên giới.

1.5.1. Đồng bào dân tộc thiểu số tham gia phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Chính vì lẽ đó, tập trung đầu tư nhằm ổn định đời sống đồng bào, đồng thời, thúc đẩy khu vực này phát triển bền vững, vừa là mục tiêu vừa là nhiệm vụ luôn được Đảng ta đặt ra. Đại hội XIII của Đảng xác định: “Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc trên tất cả các lĩnh vực, nhất là các chính sách đặc thù giải quyết những khó khăn của đồng bào dân tộc thiểu số. Tạo sinh kế, việc làm, định canh, định cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Tập trung triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”. Đây được xem là kim chỉ nam để khai thông các chương trình trình mục

tiêu quốc gia đi vào hiệu quả, thực chất đối với đặc thù của từng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng miền núi, biên giới, đồng bào dân tộc thiểu số là đối tượng được thụ hưởng những chính sách phát triển đó nên đã tạo động lực để người dân tích cực tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội bằng những việc làm cụ thể như:

Đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu: đây là một trong những nội dung quan trọng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Đồng bào các dân tộc thiểu số vừa là người thụ hưởng đồng thời họ có vai trò tham gia hỗ trợ chính quyền để xây dựng cơ sở hạ tầng và tham gia giám sát quá trình xây dựng.

Đồng bào các dân tộc thiểu số nỗ lực phát triển kinh tế, nâng cao đời sống:

Nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách ngày càng toàn diện và phù hợp về công tác dân tộc với quan điểm: Tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống là đầu tư cho phát triển, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống so với vùng phát triển; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nhằm đạt mục tiêu “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số là nơi thu hút nguồn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, đóng góp vào sự tăng trưởng, phát triển kinh tế chung của cả nước. Đồng thời, đồng bào dân tộc thiểu số có vai trò quan trọng trong việc cung cấp lực lượng lao động dồi dào cho xã hội và có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, lâm nghiệp, dịch vụ.

Đồng bào các dân tộc thiểu số tích cực tham gia bảo vệ môi trường:

Bảo vệ môi là một trong tiêu chí của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Do vậy đồng bào các dân tộc thiểu số đóng vai trò là chủ thể

tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường bằng các hoạt động thiết thực như là dọn dẹp, vệ sinh nhà cửa sạch đẹp; chuồng trại chăn nuôi đảm bảo quy định môi trường; mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định; người dân thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt hộ theo quy định, thu gom rác bao bì, chai, lọ thuốc bảo vệ thực vật và không vứt rác bừa bãi nơi công cộng (chợ, đường,...). Đặc biệt đồng bào các dân tộc thiểu số tích cực tham gia bảo vệ rừng đầu nguồn, không chặt phá rừng và tích cực trồng rừng. Các hoạt động nói trên sẽ góp phần bảo vệ môi trường sinh thái cũng như bảo vệ an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh tại khu vực biên giới.

1.5.2. Đồng bào dân tộc thiểu số tích cực giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hoá dân tộc.

Với quan điểm nhất quán, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định văn hóa nói chung, văn hóa dân tộc thiểu số nói riêng là một bộ phận quan trọng, là động lực của sự phát triển bởi văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc, văn hóa còn thì dân tộc còn. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh quan điểm phát triển: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc... lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững”¹¹, “Khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và đời sống văn hóa giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội, đặc biệt quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số... Quan tâm, tạo điều kiện phát triển văn hóa, văn nghệ của các dân tộc thiểu số”¹². Trong đó tập trung, nhấn mạnh nhiệm vụ giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc.

^{11,26}: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 215 - 216, 144 - 145

Đồng bào các dân tộc thiểu số với vai trò là chủ thể đã tham gia vào các hoạt động bảo tồn, phát huy các di sản văn hoá cụ thể như:

Một là, bảo tồn, phát huy tiếng nói, chữ viết các dân tộc thiểu số. Họ tham gia vào tất cả các khâu của hoạt động này. Từ việc sưu tầm tiếng nói, chữ viết, thư tịch cổ của các dân tộc; biên soạn, xuất bản sách tiếng dân tộc thiểu số đến việc người truyền dạy, tham gia học.

Hai là, giữ gìn trang phục dân tộc. Đồng bào các dân tộc đóng vai trò chủ thể khi tham gia các hoạt động bảo tồn trang phục truyền thống của dân tộc mình như dệt vải, học thêu và cách làm trang phục, mặc trang phục của dân tộc.

Ba là, đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia duy trì và truyền thụ văn hoá truyền thống, bảo tồn, phát triển các di sản văn hóa truyền thống vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Bốn là, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cộng đồng là động lực để đồng bào các dân tộc thiểu số tích cực tham gia

Như vậy có thể thấy, trong việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống, đồng bào các dân tộc thiểu số có vai trò vừa là chủ thể sở hữu, vừa giữ vai trò nòng cốt, trụ cột. Bởi họ là người sáng tạo, thụ hưởng, giữ gìn các giá trị văn hoá tạo nên nền văn hoá đa sắc tộc của văn hoá Việt Nam. Từ đó đóng góp tích cực vào công cuộc giữ gìn và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh được giữ vững.

1.5.3. Đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Trong tâm thức mỗi người dân Việt Nam, biên cương, hải đảo - nơi địa đầu Tổ quốc là thiêng liêng phải được bảo vệ, giữ gìn. Đây là địa bàn có vai trò trọng yếu, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia. Đồng bào các dân tộc cư trú trên địa bàn này là những người hằng ngày, hằng giờ tham gia làm nhiệm vụ quan trọng đó, thể hiện qua các hoạt động như:

Một là, phối hợp với lực lượng vũ trang trong thực hiện nhiệm vụ giữ gìn biên giới, bảo đảm vững chắc biên cương Tổ quốc.

Hai là, đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động bảo vệ an ninh trật tự, giữ vững ổn định trên địa bàn.

Ba là, đồng bào các dân tộc thiểu số tích cực cung cấp thông tin, tố giác tội phạm cho chính quyền và các lực lượng chức năng, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội khu vực biên giới.

Với đặc thù nơi cư trú mang tính địa chính trị, đồng bào dân tộc thiểu số thường sinh sống ở vùng miền núi và biên giới là những địa bàn cốt yếu trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, trong đấu tranh chống các loại tội phạm đe dọa ổn định an ninh trong nước. Đây là lực lượng có vai trò to lớn trong tạo nên tiềm lực quốc phòng, an ninh, tham gia tích cực trong xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn liền với thể trận quốc phòng toàn dân. Đồng bào các dân tộc thiểu số có vai trò giống như người chiến sĩ vùng biên cương, cùng với lực lượng Bộ đội Biên phòng đã tích cực tham gia các hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn và trật tự xã hội, đặc biệt là vùng biên giới.

1.5.4. Đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện đối ngoại nhân dân góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Đối ngoại nhân dân là một hình thức đặc sắc của nền ngoại giao Việt Nam, được Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tổ chức và lãnh đạo ngay từ những ngày đầu cách mạng. Tại Đại hội XIII của Đảng, lần đầu tiên đối ngoại nhân dân được Đảng xác định là một trong ba trụ cột của nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại. Đây là một bước phát triển quan trọng trong nhận thức của Đảng ta về vai trò và vị trí của đối ngoại nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

Đối ngoại nhân dân là bộ phận cấu thành quan trọng của mặt trận ngoại giao nước nhà, do các tổ chức, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương tiến hành, nhằm thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đối ngoại nhân dân

thực chất là công tác dân vận nhằm tuyên truyền, vận động nhân dân Việt Nam ở trong và ngoài nước thực hiện chủ trương, chính sách hòa bình, hữu nghị và hợp tác của nước ta đối với nước ngoài; đồng thời vận động nhân dân các nước ủng hộ đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa của Đảng, Nhà nước ta. Đối ngoại nhân dân được tiến hành ở mọi cấp, trong đó hoạt động đối ngoại nhân dân ở các xã biên giới cần được tăng cường để đẩy mạnh quan hệ giao lưu, hữu nghị, hợp tác với nước bạn. Đồng bào các dân tộc thiểu số tại các xã biên giới, dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền đã đóng vai trò là người tham gia tích cực các hoạt động như: thúc đẩy tình đoàn kết hữu nghị với các nước láng giềng; Giao lưu văn hoá, bảo tồn bản sắc dân tộc; Giữ gìn hoà bình, ổn định khu vực biên giới; Đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia thúc đẩy hợp tác phát triển kinh tế thương mại vùng biên; Đại diện truyền tải thông điệp hoà bình và hợp tác của Việt Nam.

Trong thực hiện đối ngoại nhân dân, đồng bào các dân tộc thiểu số có vai trò tham gia, hỗ trợ các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương tại cơ sở. Việc phát huy vai trò đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã biên giới trong thực hiện công tác đối ngoại nhân dân góp phần củng cố, thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác của Việt Nam với các nước ngày càng đi vào chiều sâu, thiết thực; cùng đối ngoại đảng và ngoại giao nhà nước tạo nên sức mạnh tổng hợp của mặt trận đối ngoại, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát huy vai trò đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh.

1.6.1. Yếu tố đường lối, chủ trương, chính sách.

Muốn phát huy được vai trò đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh thì cần phải có định hướng phát triển trong đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Đây chính là cơ sở để phân bổ nguồn lực đầu tư mọi mặt cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trên cơ sở đường lối, chủ trương,

chính sách được ban hành, các địa phương sẽ triển khai thành các chương trình, đề án cụ thể đầu tư cho địa bàn biên giới, nâng cao hiệu quả hoạt động phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Việc ban hành đường lối, chủ trương, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới vừa tạo động lực nhưng đồng thời cũng góp phần định hướng mục tiêu cho đồng bào khi tham gia các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá của các dân tộc, bảo đảm trật tự xã hội, tham gia đối ngoại nhân dân.

1.6.2. Yếu tố dân trí.

Trình độ dân trí đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực miền núi, biên giới so với mặt bằng chung là chưa cao, nhiều người không biết tiếng phổ thông, nhận thức pháp luật hạn chế; dễ bị đối tượng xấu lợi dụng, lôi kéo thực hiện hành vi vi phạm pháp luật như buôn bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép ma túy, mua bán người... Trình độ dân trí thấp cũng là trở ngại lớn trong việc phát huy vai trò của đồng bào tham gia phát triển kinh tế hộ gia đình, mặc dù được Nhà nước tạo điều kiện “cho cần câu” nhưng không ít hộ gia đình “không biết câu”. Qua đó có thể thấy trình độ dân trí là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả việc phát huy vai trò của đồng bào trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại biên giới. Do vậy cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho nhân dân về vị trí, vai trò của biên giới quốc gia và trách nhiệm của đồng bào trong quản lý, bảo vệ biên giới; vận động nhân dân chấp hành nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; quy chế biên giới của mỗi nước và các thỏa thuận chung của hai Chính phủ; vận động đồng bào nâng cao cảnh giác, không nghe theo kẻ xấu xúi giục vượt biên, vận chuyển trái phép các mặt hàng cấm qua biên giới. Phát động triển khai phong trào quần chúng tự quản đường biên, cột mốc, bảo vệ an ninh biên giới, tự quản an ninh, trật tự thôn làng, xây dựng thôn làng văn hóa, tổ chức làm kinh tế giỏi; tổ chức ký kết phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

1.6.3. Yếu tố tiềm lực kinh tế.

Đường biên giới trên đất liền ở nước ta trải dài 4.000km thì có tới 3.000km nằm ở khu vực miền núi, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Đây là địa bàn rất thuận lợi trong mở rộng quan hệ giao lưu hợp tác về kinh tế, văn hóa giữa nước ta với các nước láng giềng, từ đó mở rộng tới các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Tuy nhiên, đây cũng là địa bàn có vị trí, vai trò hết sức quan trọng về chính trị - xã hội, là vùng “phên dậu” của Tổ quốc, địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, chống âm mưu xâm nhập, bạo loạn, lật đổ, song cũng dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền nhằm kích động, chia rẽ, gây mất đoàn kết dân tộc.

Trải qua gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế, Đảng ta luôn khẳng định quan điểm nhất quán: Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng và phát huy mạnh mẽ “thế trận lòng dân” trong nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ở tất cả các lĩnh vực. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt chú trọng nhiệm vụ phát huy vai trò đồng bào dân tộc thiểu số trong xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra của thực tiễn.

Để phát huy vai trò đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới thì tiềm lực kinh tế là yếu tố cấu thành hết sức quan trọng. Phải xây dựng được khả năng kinh tế ổn định cho đồng bào các dân tộc thiểu số, từ đó Nhà nước có thể huy động chính nguồn lực từ trong dân để phục vụ cho các hoạt động tham gia giữ gìn đường biên, cột mốc và đấu tranh tố giác tội phạm khu vực biên giới, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Tiểu kết chương 1: Ở chương này tác giả làm rõ khái niệm về dân tộc thiểu số; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phân tích nội hàm phát huy vai trò đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng biên giới. Trên cơ sở khái niệm đã phân tích, tác giả đi vào nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và công tác dân tộc và quan điểm của Đảng ta về công tác dân tộc, bảo đảm quốc

phòng, an ninh, cũng như đi phân tích quan điểm của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về công tác dân tộc gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh hiện nay. Đề tài chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến việc phát huy vai trò đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới. Chương 1 là cơ sở lý luận để chương 2 tác giả đi vào đánh giá thực trạng việc phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2024.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH TẠI CÁC XÃ BIÊN GIỚI CỦA TỈNH QUẢNG NINH TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2024.

2.1. Đặc điểm tình hình.

Quảng Ninh là tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo nằm ở phía Đông Bắc của Tổ quốc, diện tích đất liền 6.100 km, diện tích mặt biển trên 6.000 km; dân số đến ngày 31/12/2023 có trên 1.381.000 người; với 42 thành phần dân tộc, trong đó dân tộc thiểu số trên 162.500 người chiếm 12,31% dân số toàn tỉnh. Đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống ở những vùng có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh nên tỉnh luôn xác định đồng bào dân tộc thiểu số là lực lượng quan trọng trong giữ vững “phên dậu” tại vùng biên giới. Để phát huy lợi thế vị trí địa lý của tỉnh, trong những năm qua Quảng Ninh đã có nhiều chủ trương, chính sách, tập trung nguồn lực, ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế và xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là ở khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng vùng biên giới của tỉnh.

Để nghiên cứu về vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại tất cả các xã, phường biên giới của tỉnh Quảng Ninh là một công việc có phạm vi rộng lớn, đòi hỏi thời gian và công sức; do đó, nhóm tác giả đã lựa chọn 3 xã biên giới, gồm xã Bắc Sơn (Thành phố Móng Cái), xã Quảng Đức (huyện Hải Hà) và xã Đồng Văn (huyện Bình Liêu) là đối tượng nghiên cứu. Qua công tác tìm hiểu, nghiên cứu thực tế tại 3 địa phương, nhóm tác giả nhận thấy một số đặc điểm cơ bản như sau:

Thứ nhất, khu vực biên giới là địa bàn sinh sống của các dân tộc thiểu số, ít người của tỉnh Quảng Ninh, tiêu biểu như Tày, Dao, Sán Dìu, Sán Chay và Hoa.

Bảng 1: Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã biên giới.

Xã	Bắc Sơn	Đồng Văn	Quảng Đức
Tỷ lệ	1552 người (86,2%)	3109 người (98,5%)	3359 người (91%)

Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các xã giai đoạn 2021-2024

Qua những số liệu thu thập được, có thể thấy, cộng đồng các dân tộc thiểu số là những người đã gắn bó với khu vực biên giới từ bao đời nay. Đây là những chủ thể chính góp phần phát triển kinh tế - xã hội cũng như bảo vệ quốc phòng, an ninh trong mọi thời điểm. Tuy nhiên, hiện nay, sự phân bố dân cư ở khu vực biên giới có yếu tố chưa hợp lý, chưa phù hợp với tiềm năng của từng địa phương, có ảnh hưởng rất lớn việc khai thác sử dụng lao động và khai thác tài nguyên đối với từng địa phương, đòi hỏi phải thực hiện phân bố lại dân cư cho hợp lý.

Thứ hai, đời sống của các dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh còn nhiều khó khăn, khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển và thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản so với các vùng miền khác còn khá lớn. Tại những khu vực này, kinh tế chủ yếu là nông, lâm nghiệp nhỏ lẻ, manh mún, chưa hình thành được nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Chất lượng giáo dục, y tế còn hạn chế. Bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của một số dân tộc bị mai một. Công tác quản lý nhà nước về môi trường còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị ở cơ sở còn nhiều hạn chế về năng lực, quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở một số nơi còn gặp nhiều khó khăn. Địa bàn biên giới của tỉnh luôn tiềm ẩn nguy cơ bị các thế lực thù địch lợi dụng để thực hiện những biện pháp chống phá. Khu vực biên giới chủ yếu là núi cao, địa hình chia cắt, kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ và kết nối; chi phí sản xuất, lưu thông hàng hóa lớn nên rất khó khăn để thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Thực trạng đó đặt ra yêu cầu tỉnh Quảng Ninh cần có những chính sách lớn, cách làm mới, đột phá nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao phúc lợi xã hội, chăm lo đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi.

Thứ ba, đồng bào dân tộc thiểu số có vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh. Với vị trí tiếp giáp với Trung Quốc, nhiệm vụ giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, đấu tranh phòng, chống các loại hình tội phạm vùng biên là nhiệm vụ thường xuyên và phức tạp đối với tỉnh Quảng Ninh. Đồng bào các dân tộc thiểu số với vai trò là chủ nhân ở những địa bàn này là lực lượng trực tiếp và đầu tiên thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đồng bào nơi đây phối hợp với các

lực lượng chức năng vừa phát triển kinh tế, gìn giữ văn hóa, vừa đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn. Với ý nghĩa quan trọng đó, các cấp chính quyền cần có những chính sách phù hợp để tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Từ những vấn đề đã phân tích, có thể thấy, đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh đảm nhiệm những nhiệm vụ rất nặng nề, phức tạp. Tuy nhiên những vấn đề về kinh tế - xã hội, chất lượng đời sống nhân dân tại những khu vực biên giới còn nhiều khó khăn. Điều đó tác động rất lớn đến khả năng bảo vệ Tổ quốc của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới. Để phát huy hơn nữa vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong tiến trình xây dựng, phát triển, đặc biệt là trong công cuộc bảo đảm quốc phòng, an ninh, tỉnh Quảng Ninh cần làm tốt một số nội dung: phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người dân; gìn giữ và phát huy văn hóa truyền thống; tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn. Đây là tổng thể của các giải pháp, cần có những chính sách căn cơ, phù hợp và quá trình tổ chức thực hiện chính xác để đạt được những mục tiêu đề ra.

2.2. Thực trạng phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2024.

2.2.1. Đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

2.2.1.1. Đồng bào dân tộc thiểu số góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống.

Tập trung phát triển đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới, Tỉnh ủy Quảng Ninh nêu rõ phải dồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng để tạo đòn bẩy và mở ra cơ hội. Tỉnh ưu tiên dành nguồn lực lớn từ ngân sách nhà nước, tập trung đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo động lực quan trọng thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, chênh lệch vùng miền và nâng cao đời sống nhân dân. Trong giai đoạn 2017 - 2020, thực hiện Đề án 196 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “về nhiệm vụ và giải pháp đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc

biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”, với số vốn đầu tư hơn 1.800 tỷ đồng, đã có gần 700 công trình hạ tầng thiết yếu được xây dựng, tạo nên bộ mặt mới cho các thôn, xã vốn khó khăn bậc nhất của tỉnh Quảng Ninh.

Trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2024 đã có nhiều công trình được xây dựng. Quảng Ninh đã hoàn thành, hoàn thành vượt tiến độ mục tiêu chung và trên 80% chỉ tiêu cụ thể của chương trình cả giai đoạn với nhiều kết quả nổi bật; trong đó ấn tượng nhất là các nhiệm vụ, dự án hạ tầng giao thông, kết nối liên vùng và nội vùng; hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, thủy lợi... hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả tốt, tạo động lực mới cho sự phát triển của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.

Về hạ tầng giao thông: Qua nghiên cứu, đồng bào các dân tộc thiểu số đã có sự phối hợp với chính quyền địa phương đã thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình xuống cấp thực sự cấp bách, thiết yếu để đề xuất đầu tư, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, cải thiện chất lượng cuộc sống. Một số địa phương đề xuất mở mới các tuyến đường trực liên kết giữa các thôn để hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, đồng thời tạo điều kiện phát triển kinh tế vùng. Có thể kể đến một số công trình giao thông trọng điểm liên quan đến 3 xã đề tài nghiên cứu như: dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 341 (Quốc lộ 18C) từ Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh đi qua xã Bắc Sơn; Dự án cải tạo, nâng cấp đường liên xã Húc Động - Đồng Văn - Cao Ba Lanh kết nối đến Quốc lộ 18C, huyện bình Liêu.

Bảng 2: Tỷ lệ bê tông hóa đường giao thông cấp xã.

Xã	Bắc Sơn	Đồng Văn	Quảng Đức
Tỷ lệ	100%	100%	100%

Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các xã giai đoạn 2021-2024

Có thể thấy, đến nay, tại cả 3 xã đề tài nghiên cứu đã không còn những con đường gập ghềnh, đường đất lầy lội thay vào đó là đường bê tông đi vào từng ngõ; 100% tuyến đường trục thôn, ngõ xóm được lắp biển tên đường, số nhà, biển cổng chào đạt chuẩn theo quy định. Để làm được điều này, ngoài nguồn vốn từ Chương

trình của Chính phủ, các đoàn thể, đơn vị, địa phương đã tích cực huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư để hoàn thiện hạ tầng giao thông. Đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã đã tích cực hiến đất làm đường, thực hiện công tác giải phóng mặt bằng nhanh chóng đúng tiến độ; đóng góp kinh phí tạo ra nguồn vốn xã hội hóa; đóng góp ngày công lao động trực tiếp tham gia xây dựng, cải tạo hạ tầng giao thông để có được kết quả như trên.

Về hạ tầng thủy lợi: do điều kiện địa hình chia cắt, điều kiện khí hậu khắc nghiệt, thường xuyên phải chống chịu với thiên tai, bão lũ, sạt lở đất, nên công tác duy tu, bảo dưỡng và xây dựng mới là rất cần thiết. Nhân dân đã tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương quản lý, bảo vệ các công trình thủy lợi; phát quang, duy tu bảo dưỡng các tuyến mương thường xuyên; trích nguồn sự nghiệp kiến thiết kinh tế để mua nguyên vật liệu phục vụ sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ phục vụ nước tưới tiêu cho sản xuất. Qua nghiên cứu cho thấy, tại 3 xã, hạ tầng thủy lợi cơ bản đáp ứng được nhu cầu tưới tiêu, phục vụ sản xuất của nhân dân trên địa bàn.

Về hạ tầng lưới điện: Trong các năm qua để thực hiện mục tiêu đảm bảo điện lưới, đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới đã đầu tư, lắp đặt hạ tầng hệ thống lưới điện một cách mạnh mẽ.

Bảng 3: Tỷ lệ người dân được sử dụng điện

Xã	Bắc Sơn	Đồng Văn	Quảng Đức
Tỷ lệ	100%	100%	100%

Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các xã giai đoạn 2021-2024.

Như vậy, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã biên giới đã được sử dụng điện an toàn từ các nguồn. Điều này giúp hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt của người dân được thuận lợi hơn rất nhiều.

Về cơ sở vật chất trường, lớp học: Với sự chung tay của đồng bào từ đóng góp kinh phí, đóng góp công sức, đến nay mạng lưới trường, lớp học đã được kiên cố, đáp ứng yêu cầu dạy và học tại các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới. Cơ sở vật chất, phòng học được đầu tư, nâng cấp trang thiết bị đầy đủ đảm bảo yêu cầu, chất lượng. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số được tăng cường, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của con em đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới của tỉnh.

Về cơ sở hạ tầng y tế: Hạ tầng y tế trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới của tỉnh được quan tâm đầu tư đạt chuẩn quốc gia, hầu hết được đầu tư mới, kiên cố.

Bảng 4: Thực trạng hạ tầng y tế tại cơ sở

Xã	Bắc Sơn	Đồng Văn	Quảng Đức
Cơ sở vật chất	Đủ thiết bị, đáp ứng nhiệm vụ	Xây dựng kiên cố, đáp ứng nhiệm vụ	Đáp ứng nhiệm vụ

Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các xã giai đoạn 2021-2024.

Có thể thấy, hạ tầng y tế tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh đã có đủ các phòng chăm sóc bệnh nhân và các thiết bị đáp ứng nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Các trạm y tế được kiện toàn, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế từ xã đến các thôn, bản và triển khai thực hiện đồng bộ các hoạt động, đặc biệt trong giai đoạn phòng, chống dịch Covid-19. Năng lực chuyên môn trong công tác phòng, chống dịch được tăng cường, đã chủ động, kịp thời hơn trong việc phát hiện, kiểm soát các trường hợp nhiễm Covid-19.

Hạ tầng thông tin: Đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới đã nỗ lực xây dựng cơ sở hạ tầng về thông tin liên lạc.

Bảng 5: Tỷ lệ phủ sóng điện thoại và phát thanh, truyền hình

Xã	Bắc Sơn	Đồng Văn	Quảng Đức
Tỷ lệ	100%	100%	100%

Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các xã giai đoạn 2021-2024.

Như vậy, tại cả 3 xã đề tài nghiên cứu, đồng bào dân tộc thiểu số đã được xem truyền hình, nghe đài phát thanh Quốc gia và tỉnh Quảng Ninh; đã xóa “vùng lõm” sóng điện thoại di động ở các khu vực có dân cư sinh sống thuộc địa bàn miền núi, biên giới. Mạng lưới viễn thông, hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo thông suốt phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đời sống sinh hoạt, sản xuất của đồng bào các dân tộc thiểu số; góp phần phát triển

kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại những khu vực khó khăn, phức tạp như miền núi, khu vực biên giới.

Những kết quả đạt được như trên góp phần rất lớn vào quá trình xây dựng Nông thôn mới tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh.

Bảng 6. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Xã	Bắc Sơn	Đông Văn	Quảng Đức
Thời điểm đạt chuẩn NTM	2018	2022	2021

Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các xã giai đoạn 2021-2024.

Theo báo cáo của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh, sau 13 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đến hết năm 2023, Chương trình đã đạt được kết quả với 98/98 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 56/98 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 28/98, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Các xã trong phạm vi nghiên cứu của đề tài cũng đã hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới, trong đó có xã Bắc Sơn đã nỗ lực phấn đấu, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu từ năm 2021.

Nhìn chung, trong những năm qua, Quảng Ninh là tỉnh có tốc độ xây dựng cơ sở hạ tầng nhanh, hiện đại. Trong xu thế đó, có những đóng góp rất lớn của đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới của tỉnh. Nhận thức được yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất vừa để phục vụ quá trình phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống và góp phần quan trọng vào công tác củng cố, xây dựng tiềm lực cho công cuộc bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhân dân các địa phương biên giới đã phối hợp, chung sức cùng chính quyền địa phương và các lực lượng chức năng, nỗ lực xây dựng những hạ tầng thiết yếu. Có những hộ dân đã sẵn sàng hiến đất của tổ tiên để lại để góp phần hoàn thiện tiến độ giải phóng mặt bằng, xây dựng các công trình đảm bảo yêu cầu đề ra. Bên cạnh đó, với tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm, đồng bào các dân tộc thiểu số còn sẵn sàng đóng góp kinh phí để góp phần tạo nên những công trình kiên cố, hiện đại. Trong quá trình xây dựng, người dân còn trực tiếp tham gia lao động, thi công các công trình, đóng góp rất lớn vào việc tạo ra diện mạo mới cho địa phương. Trong quá trình sử dụng cơ sở vật chất,

nhân dân còn là chủ thể chính thực hiện bảo vệ, duy tu, sửa chữa các công trình đảm bảo được chất lượng và vai trò của mình.

2.2.1.2. Đồng bào dân tộc thiểu số nỗ lực phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần ổn định và nâng cao đời sống.

Thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 17/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”, đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới đã tiến hành tái cơ cấu sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn. Căn cứ vào đặc điểm tự nhiên, thổ nhưỡng, khí hậu và nhu cầu của thị trường, bà con nhân dân đã có những nỗ lực lớn trong phát triển kinh tế. Về trồng trọt: Tập trung phát triển những loại cây trồng lâu năm có lợi thế trên địa bàn và thực hiện chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng theo hướng tăng diện tích trồng cây có giá trị kinh tế cao gắn với việc hình thành các vùng trồng tập trung hàng hoá theo chuỗi giá trị như trồng cây công nghiệp, trồng cây dược liệu. Về chăn nuôi: Tăng số lượng, giá trị sản xuất đàn gia súc, gia cầm hình thức chăn nuôi hộ gia đình kết hợp với hình thức nuôi tập trung, trang trại, gia trại thân thiện với môi trường, chăn nuôi hữu cơ gắn với các giống đặc sản bản địa có giá trị kinh tế cao như trâu, bò, dê, gà chân lùn, ngan đen... Về lâm nghiệp: tập trung nâng cao giá trị rừng trồng theo hướng chuyển diện tích trồng cây keo, bạch đàn sang trồng cây gỗ lớn, cây bản địa, cây lâm sản chủ lực như hồi, quế, sả và từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm, thực hiện thâm canh, ứng dụng khoa học, công nghệ vào trồng và chăm sóc, chế biến lâm sản. Đồng bào một số nơi khu vực biên giới đã thực hiện phát triển kinh tế rừng bền vững gắn với phát triển dịch vụ, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng nhằm tạo ra nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống. Được sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, đồng bào các địa phương biên giới đã thực hiện xây dựng các mô hình phát triển sản xuất, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thay thế dần phương thức canh tác lạc hậu, nâng cao hiệu quả sản xuất, ổn định đời sống. Có thể kể đến một số mô hình tiêu biểu như: mô hình trồng, chế biến chè hoa vàng của hộ gia đình Ninh A Dấu với nhãn hiệu chè hoa vàng Thanh

Lợi tại thôn Thán Phún, xã Bắc Sơn. Hộ gia đình này đã sử dụng công nghệ sấy nhiệt trị giá 25 triệu đồng trong quy trình sản xuất chè. Hàng năm thu hoạch tổng sản lượng đạt khoảng 120kg hoa khô với tổng thu nhập đạt trên 1,4 tỷ đồng/năm. Tại xã Quảng Đức, Hợp tác xã Sản xuất thương mại dịch vụ nông lâm Tân Mai là một điển hình với 7 thành viên, doanh thu bình quân 400 triệu đồng/năm, giải quyết việc làm cho 30 lao động từ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ các loại cây lương thực, thực phẩm, khai thác và chế biến lâm sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm; mô hình tổ hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững gồm 19 thành viên, doanh thu bình quân 250 triệu đồng/năm. Nhờ vận dụng hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ của Nhà nước và khơi dậy tinh thần nỗ lực trong các tầng lớp nhân dân, các xã khu vực biên giới đã có sự bứt phá về nhiều mặt, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

Bảng 7: Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo qua các năm.

<i>Xã</i> <i>Tỷ lệ</i>	<i>Bắc Sơn</i>		<i>Đồng Văn</i>		<i>Quảng Đức</i>	
	2021	2023	2021	2023	2021	2023
Hộ nghèo	12 (2,97%)	0 (0%)	104 (13,96%)	5 (1,21%)	88 (9,5%)	0 (0%)
Hộ cận nghèo	23 (5,69%)	4 (0,98%)	256 (35,57%)	255 (34,22%)	47 (5%)	5(0,52%)

Nguồn: Ban dân tộc tỉnh Quảng Ninh

Qua những số liệu trên, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều mới tại các địa phương khu vực biên giới giảm rất nhanh. Kết quả đó đã giúp Quảng Ninh hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trước 2 năm (năm 2023). Kết quả này chứng minh những quyết tâm và nỗ lực rất lớn của đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã biên giới.

Từ nguồn vốn của tỉnh, với sự nghiên cứu, đổi mới cách thức làm ăn, xây dựng những hướng đi, mô hình kinh tế phù hợp mà thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số đã tăng lên đáng kể. Điều này được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Bảng 8: Thu nhập bình quân đầu người

Xã	Năm	Bắc Sơn	Đồng Văn	Quảng Đức
Thu nhập bình quân	2021	58 triệu/người	41 triệu/người	49,5 triệu/người
	2023	75 triệu/người	57 triệu/người	66,8 triệu/người

Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các xã giai đoạn 2021-2024.

Thông kê cho thấy, hết năm 2023, thu nhập bình quân đầu người tại 67 xã, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo của tỉnh đạt trên 73 triệu đồng, tăng gần 30 triệu đồng so với năm 2020; cao hơn khoảng 2,8 lần so với mục tiêu chung đến năm 2025 của cả nước về nâng mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số. Nhìn vào thống kê, có thể thấy thu nhập bình quân đầu người của 3 xã đề tài nghiên cứu là chưa đồng đều, tuy nhiên so với năm đầu nhiệm kỳ 2021, đến năm 2023 thu nhập của đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới đã được cải thiện không ngừng. Những kết quả tích cực đạt được càng khẳng định rõ hơn sự cố gắng rất lớn của đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh.

2.2.1.3. Đảm bảo các chính sách xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới

Từ sự nỗ lực phát triển kinh tế của đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới nên chất lượng đời sống và các vấn đề xã hội của bà con nhân dân cũng được cải thiện không ngừng, thể hiện qua các nội dung sau:

Về giáo dục - đào tạo: ý thức nâng cao chất lượng giáo dục của đồng bào các dân tộc thiểu số đã được thay đổi bao. Đồng bào các xã biên giới đã tích cực đưa con em đến trường, nâng cao dân trí. Tỷ lệ huy động trẻ em dân tộc thiểu số ra lớp đúng độ tuổi đạt 99,98%; duy trì và giữ vững 100% đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Tỷ lệ người dân tộc thiểu số hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,89%; tỷ lệ từ 10 tuổi trở lên biết chữ đạt 95,6%. Học sinh dân tộc thiểu số ngày càng nỗ lực trong học tập, số lượng các em vào đại học, cao đẳng, ngày càng tăng lên. Có thể thấy chính sách giáo dục cho con em đồng bào dân tộc thiểu số đã và đang phát huy tác dụng, huy động hầu hết trẻ em trong độ tuổi đến

trường, học sinh được học tiếng phổ thông, học văn hóa, được giao lưu và tiếp cận thông tin, khoa học kỹ thuật.

Về y tế và chăm sóc sức khỏe: Những năm qua, công tác y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới được tỉnh đặc biệt quan tâm. Nghiên cứu tại 3 xã trong phạm vi đề tài cho thấy, đến hết năm 2023, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%. Thông qua các chương trình, đề án, chính sách cụ thể, tỉnh đã không ngừng đầu tư nâng cấp trạm y tế xã, tăng cường công tác y tế dự phòng và bố trí bác sỹ về làm việc tại trạm y tế xã, 100% xã được trang bị phiếu khám thai, bảng quản lý thai nghén và hộp phiếu hen; 100% trạm y tế xã có cán bộ phụ trách công tác sản nhi; triển khai các mô hình/can thiệp có hiệu quả như đội cấp cứu, phẫu thuật lưu động ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới. Ngành y tế và các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế dự phòng và nâng cao chất lượng dân số thông qua thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025, nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng giống nòi của một số dân tộc thiểu số.

Có thể thấy, với tinh thần quyết tâm, đoàn kết của đồng bào, các xã khu vực biên giới đã có những bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội. Cơ sở hạ tầng được xây dựng, sản xuất được mở rộng, đời sống của bà con nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao, từ đó niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước được củng cố không ngừng trong cộng đồng dân cư. Đây là điều vô cùng quan trọng góp phần củng cố sự ổn định về quốc phòng, an ninh khu vực biên giới. Đời sống nhân dân được nâng cao là cơ sở giúp đồng bào các dân tộc tăng cường sự ủng hộ, đẩy mạnh thực hiện những chính sách của Đảng, Nhà nước, không bị ảnh hưởng bởi những âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc hay dụ dỗ, lôi kéo của các thế lực thù địch. Bên cạnh đó, kinh tế phát triển góp phần tạo ra những tiềm lực to lớn, nâng cao sức mạnh, khả năng để thực hiện bảo vệ Tổ quốc và môi trường hòa bình, ổn định. Từ thực tế về sự phát triển kinh tế - xã hội tại các xã biên

giới của tỉnh Quảng Ninh như Đồng Văn, Quảng Đức, Bắc Sơn đã góp phần chứng minh những nhận định trên là hoàn toàn chính xác. Giai đoạn 2021-2024, mặc dù khu vực biên giới luôn có những vấn đề phức tạp, đặc biệt là tác động của dịch bệnh Covid - 19, song với vai trò to lớn của đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới, tình hình kinh tế - xã hội vẫn có sự phát triển, tạo điều kiện để củng cố và giữ vững an ninh trật tự.

2.2.2. Đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia vào quá trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

Văn hóa của các dân tộc thiểu số là bộ phận quan trọng góp phần hình thành nên văn hóa đa dạng, giàu bản sắc của đất nước Việt Nam. Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định văn hóa nói chung, văn hóa dân tộc thiểu số nói riêng là một bộ phận quan trọng, là động lực của sự phát triển: “Văn hóa... là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc còn”. Tiếp nối quan điểm đó, văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh quan điểm: “Khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và đời sống văn hóa giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội, đặc biệt quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số... Quan tâm, tạo điều kiện phát triển văn hóa, văn nghệ của các dân tộc thiểu số”.

Với quan điểm văn hóa, con người là nền tảng tinh thần vững chắc, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng phục vụ cho sự phát triển, trong những năm qua, tỉnh Quảng Ninh đã dành nhiều nguồn lực quan trọng đầu tư, xây dựng và phát triển văn hóa toàn diện, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ với những dấu ấn đặc sắc. Qua đó góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực quan trọng để xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ninh với các đặc trưng Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc.

Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn. Tỉnh đưa ra quan điểm công tác bảo tồn di sản văn hoá phải gắn với Nghị quyết 16 của HĐND tỉnh ngày 16/7/2021 phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền

núi, biên giới, hải đảo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Thực hiện Đề án phát triển du lịch cộng đồng bền vững theo Quyết định số 4839/QĐ-UBND ngày 29/1/2020, tập trung ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo; Kế hoạch số 161/KH - UBND ngày 21/6/2023 về thí điểm xây dựng, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa 4 làng dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cộng đồng khu vực miền núi tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025, góp phần phát huy tối đa tiềm năng lợi thế du lịch của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới của tỉnh. Đặc biệt, ngày 30/10/2023, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 17 - NQ/TU về “xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững”. Đây là cơ sở, nền tảng quan trọng để thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

2.2.2.1. Đồng bào các dân tộc thiểu số thực hiện công tác bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết của dân tộc mình.

Ngôn ngữ và chữ viết là một trong những yếu tố quan trọng làm nên bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc. Tại 3 xã trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, chiếm số lượng lớn trong dân cư là các dân tộc Dao, Tày, Sán Chỉ. Qua thực tế nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy, các dân tộc cư trú trên địa bàn 3 xã trên vẫn đang duy trì ngôn ngữ của dân tộc mình trong đời sống sinh hoạt thường ngày, trong các nghi lễ và hoạt động văn hóa truyền thống của dân tộc. Tuy nhiên về chữ viết thì nhóm người dân tộc Tày có chữ Nôm Tày, nhưng hiện nay không còn duy trì chữ viết riêng, chỉ còn một phần nhỏ trong hệ thống sách cúng, sách Then, sách của thầy cúng và một số người hành nghề thầy cúng. Số người biết về chữ Nôm Tày hầu như không còn. Dân tộc Dao ở cả 3 xã hiện vẫn còn lưu truyền và sử dụng chữ viết của mình, tuy nhiên, số người biết đọc và viết được chữ Dao chỉ còn đếm trên đầu ngón tay, chủ yếu là các thầy mo, thầy cúng và một số các cụ cao tuổi trong dòng họ (thậm chí nhiều thầy mo chỉ biết đọc chữ nhưng lại không dịch được nội dung). Như vậy, ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc thiểu số trên địa bàn các xã đề tài nghiên cứu đang dần bị mai một.

Trong những năm qua, cùng với nỗ lực của các cấp chính quyền địa phương, đồng bào các dân tộc thiểu số ở 3 xã đã tiến hành những hoạt động thiết thực nhằm bảo tồn tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình.

Về ngôn ngữ: tiếng nói của dân tộc vẫn được bà con sử dụng rộng rãi trong đời sống sinh hoạt hàng ngày tại gia đình, trong cộng đồng. Lý do để họ giữ được ngôn ngữ do đồng bào sống tập trung với số lượng đông, việc trao đổi giao tiếp để bảo lưu tiếng nói trong cộng đồng nhờ đó mà được đẩy mạnh, phát huy một cách tự nhiên. Mặt khác, những năm gần đây, các xã đều thực hiện chính sách bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống các tộc người thiểu số nên nhiều sinh hoạt mang đậm nét văn hoá riêng của đồng bào như: Hát Soọng cô, Soọng cọ, hát dân ca Dao, hát Then... được phục dựng, tổ chức ở các cấp nhằm khuyến khích bà con sử dụng tiếng của dân tộc mình nhiều hơn.

Về chữ viết: hiện nay, trong các nhà trường trên địa bàn 3 xã đều đưa vào chương trình giảng dạy về ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc thiểu số. Các địa phương cũng đã xây dựng các chương trình học tiếng dân tộc cho khối cán bộ công chức, viên chức, người lao động và nhân dân các dân tộc trên địa bàn để thuận tiện trong công tác quản lý cũng như giữ gìn tiếng nói truyền thống. Bên cạnh đó, đội ngũ thầy mo, thầy tào, thầy cúng đều tích cực truyền nghề lại cho học trò, truyền dạy học chữ viết của các dân tộc. Các địa phương cũng đã quan tâm đến công tác nghiên cứu, sưu tầm các loại sách cổ (trong đó có sách cúng, sách xem tướng số, xem ngày, các bài hát) để lưu truyền cho đời sau.

2.2.2.2. Giữ gìn những nét đẹp về trang phục, kiến trúc truyền thống.

Văn hóa vật thể của các dân tộc thiểu số thể hiện qua kiến trúc nhà cửa, trang phục truyền thống. Về kiến trúc, có thể kể đến những nếp nhà trình tường có tuổi đời lâu năm của người Dao Thanh Phán ở xã Đồng Văn; kiến trúc nhà gạch đất, ngói âm dương của người Tày xã Bắc Sơn. Những giá trị văn hóa truyền thống là những tài sản có giá trị to lớn nên cần được bảo tồn, lưu giữ. Các địa phương hiện nay đã có chính sách khuyến khích đồng bào dân tộc thiểu số tăng cường phục dựng cũng như xây dựng những ngôi nhà với những kiến trúc đặc trưng như trên.

Bên cạnh đó, những đồ dùng, sinh hoạt và trong lao động sản xuất cũng được người dân lưu giữ như cối giã gạo bằng chân, cái cày, bừa, súng bắn nỏ...

Về trang phục, mỗi dân tộc lại có những trang phục với những nét đẹp riêng. Do đó, đồng bào các dân tộc thiểu số tại các địa phương đã nỗ lực để gìn giữ trang phục của dân tộc mình. Nhóm tác giả nhận thấy trên địa bàn 3 xã đề tài nghiên cứu, đồng bào các dân tộc thiểu số đều có những hoạt động thiết thực trong việc gìn giữ trang phục truyền thống của các dân tộc thiểu số. Đồng bào các dân tộc thiểu số, đặc biệt là phụ nữ vẫn duy trì mặc trang phục truyền thống của mình hằng ngày. Tại các địa phương học sinh, lớp trẻ sử dụng trang phục truyền thống vào các ngày thứ hai đầu tuần, hoặc các hoạt động sinh hoạt tại trường. Cùng với các trường học, các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp ở nhiều địa phương đã hưởng ứng thực hiện mặc trang phục dân tộc vào thứ 2 đầu tuần và đồng phục công sở vào thứ 6 cuối tuần. Nổi bật ở xã Đồng Văn đã tổ chức nhiều hoạt động như “Tuần trang phục dân tộc”, ngày hội văn hóa để cán bộ, công chức tham gia mặc trang phục truyền thống. Các địa phương như Quảng Đức, Đồng Văn đều duy trì, tổ chức cuộc thi thêu trên trang phục truyền thống của người phụ nữ. Cuộc thi đã giúp cho những người phụ nữ dân tộc thiểu số trở lại thêu các họa tiết trong trang phục của mình, không làm mất đi nguồn gốc hay là những họa tiết đặc sắc truyền thống. Những cuộc thi tái hiện lại truyền thống như thế này vừa có ý nghĩa bảo tồn văn hóa vừa thu hút khách tham quan.

2.2.2.3. Công tác duy trì và truyền thụ văn hóa truyền thống.

Cộng đồng các dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh có những nét văn hóa truyền thống rất đặc sắc. Qua tìm hiểu, nhóm tác giả đã nhận thấy, cả 3 xã đề tài nghiên cứu đều có những nét văn hóa truyền thống rất đặc sắc. Có thể kể đến như Ngày hội Kiêng gió, hát then, đàn tính, hát pả dung (xã Đồng Văn); các trò chơi dân gian như đánh quay, đẩy gậy, ném còn, hát Soóng cọ (xã Bắc Sơn); Lễ hội “Sóng Mun”, lễ cấp sắc, hát giao duyên (xã Quảng Đức). Đây là những nét văn hóa truyền thống làm nên những sắc màu riêng của các dân tộc thiểu số. Nhận thức được việc gìn giữ những nét văn hóa truyền thống này là vấn đề cần thiết, cộng đồng các dân tộc thiểu số đã phát huy vai trò là chủ thể để phục dựng, lưu truyền

qua các thế hệ. Các địa phương đã tiến hành tổ chức nhiều lớp tập huấn, truyền dạy và phục dựng các nghi lễ, nghề truyền thống và văn hóa phi vật thể, thành lập các câu lạc bộ văn nghệ dân gian. Công tác truyền dạy, phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể được quan tâm gắn với việc tổ chức và nâng cao chất lượng sinh hoạt của các câu lạc bộ văn nghệ dân gian trên địa bàn các xã. Các câu lạc bộ thực hiện tốt vai trò bảo tồn các loại hình trình diễn dân gian truyền thống và phát huy các di sản văn hóa gắn với phục vụ các chương trình, lễ hội tại địa phương. Bên cạnh đó, cùng với việc tổ chức hoạt động, một số câu lạc bộ đã và đang làm tốt việc sưu tầm các bài hát, điệu múa phục vụ việc truyền dạy cho thế hệ trẻ.

2.2.2.4. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

Nhận thức du lịch là một trong những ngành kinh tế quan trọng, những năm qua, các xã khu vực biên giới đã tập trung phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống văn hóa cho người dân địa phương. Các xã đã ưu tiên nguồn kinh phí từ ngân sách hàng năm và huy động các nguồn lực xã hội để xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch. Đồng thời, khuyến khích cộng đồng tham gia bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa dân gian, lễ hội truyền thống, và các sản phẩm đặc sản địa phương. Các sản phẩm du lịch mang tính đặc thù của địa phương cũng đang dần hình thành và thu hút sự quan tâm của du khách, như: du lịch thể thao mạo hiểm, Lễ hội “Sóng Mun người dân tộc Dao Thanh Y tại xã Quảng Đức; các mô hình du lịch gắn với nông nghiệp, các tour du lịch khám phá văn hóa của người Dao Thanh Phán tại xã Đồng Văn; du lịch cộng đồng “Thung lũng tình yêu” tại xã Bắc Sơn. Một số gia đình đã mạnh dạn đầu tư kinh phí, xây dựng mô hình homestay, phát triển đàn dê, gà, xây dựng cơ sở nuôi cá tầm để nâng cao chất lượng phục vụ khách du lịch. Cùng với đó, hoạt động sản phẩm đồ lưu niệm từ mây tre đan, sản phẩm thêu thùa, bông hoa sớ, hoa hời, hoa quế... phục vụ khách du lịch cũng ngày càng phát triển. Đây là hướng đi mới, vừa giúp bảo tồn, lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số, vừa góp phần phát triển lĩnh vực du lịch,

đảm bảo phát triển bền vững, nâng cao thu nhập cho đồng bào các dân tộc thiểu số tại các xã biên giới.

Có thể khẳng định, bảo tồn văn hóa là một trong những nội dung quan trọng để góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cộng đồng các dân tộc thiểu số nói chung và khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh nói riêng qua quá trình phát triển đã tạo dựng được những giá trị văn hóa phong phú, đa dạng. Ngày nay cộng đồng dân cư đã có những cách thức để bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống đó một cách phù hợp. Khi văn hóa được phát huy đúng cách sẽ giúp đẩy mạnh phát triển kinh tế, phục vụ nâng cao đời sống nhân dân. Không chỉ có vậy, việc lưu giữ và lan tỏa những giá trị văn hóa truyền thống sẽ giúp củng cố hơn tình yêu quê hương đất nước. Đặc biệt với các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh, việc bảo tồn văn hóa truyền thống sẽ là nền tảng giúp cộng đồng các dân tộc thiểu số không bị các thế lực thù địch xuyên tạc, tuyên truyền những loại hình văn hóa không phù hợp với dân tộc ta. Bảo tồn văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số là một yếu tố góp phần xây dựng hệ giá trị phổ quát và đặc thù của tỉnh Quảng Ninh với những đặc sắc: “Thiên nhiên tươi đẹp - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Nhân dân hạnh phúc”.

2.2.3. Đồng bào các dân tộc thiểu số phối hợp cùng các lực lượng vũ trang giữ gìn trật tự, an ninh.

Nhận thức rõ việc nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số về trách nhiệm trong công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh là điều tiên quyết, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân đã chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ đội Biên phòng tỉnh thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của các cấp liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ biên giới quốc gia vững mạnh. Các sở, ban ngành, đoàn thể, địa phương trong tỉnh đã có nhiều chủ trương, giải pháp, cách làm sáng tạo, tổ chức hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân, cụ thể như: Ban Tuyên giáo đa dạng hóa các hình thức thông tin tuyên truyền, sinh hoạt chính trị tư tưởng, sinh hoạt chuyên đề thông qua các hội nghị báo cáo viên, thông tin báo chí hàng tuần, đăng tải trên

bản tin sinh hoạt chi bộ và các hình thức tuyên truyền khác sát với đặc điểm, tình hình khu vực biên giới. Ban Dân tộc tổ chức tuyên truyền thực hiện về chính sách và kiến thức dân tộc. Hội đồng giáo dục quốc phòng, an ninh đưa các nội dung “ngày Biên phòng toàn dân” vào chương trình bồi dưỡng. Trung tâm Truyền thông tỉnh duy trì thực hiện có hiệu quả chuyên mục “Vì chủ quyền an ninh biên giới” và các chuyên trang, chuyên mục, nội dung tuyên truyền, phản ánh về kết quả thực hiện công tác phối hợp giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia. Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh triển khai các chương trình “Tháng Thanh niên - Tháng 3 biên giới”, “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương”. Hội Nông dân tỉnh triển khai “Mô hình nông dân tham gia tự quản an ninh trật tự ở khu vực biên giới”, phong trào “Toàn dân tham gia phòng, chống dịch Covid - 19 và xuất nhập cảnh trái phép”. Các lực lượng vũ trang tỉnh đã phối hợp với các địa phương, các trường học đổi mới, sáng tạo, có nhiều mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả trong công tác giáo dục truyền thống cách mạng cho các đối tượng, đặc biệt là thế hệ trẻ hiểu về truyền thống của dân tộc qua các hoạt động trải nghiệm như: giáo dục truyền thống tại Khu di tích Lịch sử quốc gia Pò Hèn, tiết học biên cương, học kỳ quân đội, ứng dụng công nghệ thông tin tạo mã QR Code nội dung tuyên truyền về biên giới, cột mốc, các quy định quản lý biên giới. Thông qua hoạt động tuyên truyền đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của quần chúng nhân dân hiểu rõ bảo vệ quốc phòng, an ninh khu vực biên giới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị trong đó nhân dân là chủ thể, mỗi người dân là một cột mốc sống trên biên giới. Đó là cơ sở để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng “Thế trận lòng dân vững chắc”, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong bảo vệ quốc phòng, an ninh.

2.2.3.1. Phối hợp với lực lượng vũ trang xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị.

Từ việc nhận thức rõ trách nhiệm của mình, đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới đã phối hợp với các cấp chính quyền, các lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn tích cực thực hiện nhiệm vụ bảo vệ vững chắc khu vực biên giới. Những năm 2021-2022, khi dịch bệnh Covid - 19 bùng phát và diễn biến phức tạp,

với tinh thần “Chống dịch như chống giặc”, quần chúng nhân dân đã triển khai các lực lượng chốt chặn khu vực biên giới, chống tình trạng xuất nhập cảnh trái phép và ngăn chặn dịch bệnh lây lan qua biên giới, ngăn chặn không cho người và phương tiện ra vào vùng dịch. Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân tham gia phòng, chống dịch Covid - 19 và xuất, nhập cảnh trái phép”. Với những biện pháp đó, mặc dù tiếp giáp với Trung Quốc là địa phương rất phức tạp về dịch bệnh nhưng trên địa bàn 3 xã biên giới thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài không để xảy ra tình trạng nhập cảnh trái phép, quản lý địa bàn vững chắc để chống dịch hiệu quả.

Để giữ gìn ổn định khu vực vùng biên, đồng bào các dân tộc thiểu số đã có sự phối hợp với chính quyền và các lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn thường xuyên tổ chức tuần tra biên giới. Những khu vực trọng điểm điểm như Phạt Chỉ, Phai Lầu (xã Đồng Văn); bản Mốc 13 (xã Quảng Đức); thôn Lục Phủ, thôn Phình Hồ (xã Bắc Sơn) do tiếp giáp trực tiếp với nước bạn Trung Quốc là những điểm tuần tra thường xuyên.

Bảng 9: Phối hợp tuần tra biên giới giữa nhân dân và lực lượng vũ trang.

Năm Xã	2021	2022	2023
Bắc Sơn	4 buổi - 62 lượt người	6 buổi - 76 lượt người	6 buổi-84 lượt người
Đồng Văn	4 buổi - 96 lượt người	4 buổi - 105 lượt người	5 buổi - 118 lượt người
Quảng Đức	4 buổi - 26 lượt người	4 buổi - 30 lượt người	6 buổi - 72 lượt người

Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các xã giai đoạn 2021-2024.

Có thể thấy, hoạt động phối hợp giữa đồng bào các dân tộc thiểu số cùng với cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng được diễn ra thường xuyên. Hoạt động này đã góp phần phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm; bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia.

2.2.3.2. Đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn.

Qua nghiên cứu thực tế tại 3 xã trong phạm vi nghiên cứu của đề tài cho thấy, tại các địa phương đã thành lập và duy trì tốt hoạt động của các Tổ tự quản như: mô hình “Tổ tự quản đường biên, cột mốc”, “Tổ tự quản bảo vệ an ninh trật tự”, “Nông dân tự quản về an ninh trật tự khu vực biên giới”. Các tổ tự quản đã thu hút quần chúng nhân dân tham gia đông đảo, hoạt động thường xuyên, hiệu quả đã góp phần bảo đảm an ninh trật tự tại các xã biên giới. Quần chúng nhân dân được khuyến khích tham gia và cung cấp thông tin về công tác an ninh trật tự trên địa bàn; tham gia công tác phòng ngừa đấu tranh với các loại tội phạm, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, xây dựng thế trận “an ninh Nhân dân” vững chắc từ cơ sở. Hàng năm, tại các đại phương khu vực biên giới, hoạt động ký giao ước thi đua xây dựng phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được thực hiện có hiệu quả với quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh Quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Trong bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới, tỉnh Quảng Ninh đặc biệt làm tốt công tác phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng. Giai đoạn 2021-2024, tỉnh Quảng Ninh có hơn 500 già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò của mình, những người có uy tín trong cộng đồng đã chủ động nắm tình hình, giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện trong đồng bào dân tộc thiểu số từ khi mới phát sinh, ngăn chặn hoạt động truyền đạo trái pháp luật, không để hình thành “điểm nóng”, đồng thời theo dõi, không để các thế lực thù địch lôi kéo, kích động người dân vùng đồng bào khu vực miền núi, biên giới tham gia vào các hoạt động chống đối chính quyền và hoạt động tôn giáo.

2.2.3.3. Đồng bào các dân tộc thiểu số tích cực cung cấp thông tin, tố giác tội phạm.

Khu vực biên giới của tỉnh Quảng Ninh là địa bàn phức tạp với nhiều loại hình tội phạm đặc trưng như ma túy, buôn bán người, xuất nhập cảnh trái phép, buôn lậu. Trong những năm qua, phát huy vai trò là tai mắt, của các lực lượng vũ trang, đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực biên giới đã tích cực tham

gia phát hiện, tố giác, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh trật tự khu vực biên giới.

Bảng 10: Số lượng thông tin tố giác tội phạm quần chúng nhân dân cung cấp cho lực lượng vũ trang giai đoạn 2021-2024.

Xã	Bắc Sơn	Quảng Đức	Đồng Văn
Số thông tin cung cấp	254 tin	156 tin	96 tin

Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các xã giai đoạn 2021-2024.

3 xã trong phạm vi nghiên cứu của đề tài đều là những địa tiếp giáp trực tiếp với Trung Quốc nên có sự phức tạp về tình hình an ninh trật tự. Đồng bào các dân tộc nơi đây trong quá trình lao động sản xuất luôn phát huy cao độ tinh thần cảnh giác trước mọi sự việc xảy ra. Quần chúng nhân dân tại 3 xã đã tích cực cung cấp những thông tin có giá trị đến các lực lượng chức năng. Qua những nguồn tin được cung cấp, các lực lượng chức năng tại 3 xã đã nhiều lần phát hiện, bắt giữ và xử lý những vụ việc vi phạm. Có thể thấy công tác bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn các địa phương khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh có sự phối hợp rất hiệu quả từ đồng bào các dân tộc thiểu số.

Như vậy, với sự vào cuộc của tất cả các cấp, các ngành, đặc biệt là sự tham gia đông đảo của đồng bào các dân tộc thiểu số, tình hình an ninh, trật tự khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh những năm qua cơ bản ổn định. Khu vực biên giới địa hình phức tạp, rộng lớn nên các lực lượng chức năng nên công tác nắm bắt tình hình và bảo vệ vùng biên luôn gặp rất nhiều khó khăn. Trong quá trình đó, đồng bào các dân tộc thiểu số đã tích cực tham gia bảo vệ biên giới, giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn, cung cấp những thông tin có giá trị cho các lực lượng chức năng để phòng, chống tội phạm. Nghiên cứu cho thấy, tại 3 xã trong phạm vi đề tài, đồng bào các dân tộc thiểu số đã làm tốt vai trò phối hợp với chính quyền và các lực lượng trên địa bàn trong công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh. Với sự đóng góp tích cực đó, tại 3 xã đề tài nghiên cứu trong giai đoạn 2021-2024 không xuất hiện những điểm nóng về quốc phòng, an ninh; không hình thành các băng nhóm tội phạm lớn; đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân trên địa bàn được đảm

bảo ổn định. Đây là nền tảng quan trọng góp phần thực hiện thành công những mục tiêu lớn đề ra.

2.2.4. Đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động đối ngoại nhân dân.

Với đặc trưng tiếp giáp với các địa phương của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa, Quảng Ninh được coi là cầu nối giữa hai nước. Xuất phát từ vị trí quan trọng đó, công tác đối ngoại được tỉnh Quảng Ninh đặc biệt quan tâm, trong đó có đối ngoại nhân dân. Chính quyền các cấp khu vực biên giới đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đồng bào khu vực biên giới hiểu rõ về chủ quyền lãnh thổ, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và rộng mở của Đảng, Nhà nước ta. Đồng thời, chung sức đầu tư phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói, giảm nghèo, củng cố quốc phòng, an ninh; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị trong sự nghiệp xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

Điểm nổi bật trong đối ngoại nhân dân giữa hai nước là đã xây dựng mô hình kết nghĩa cụm dân cư hai bên biên giới. Hiện nay, đã hình thành 9 cặp kết nghĩa cụm dân cư hai bên biên giới, trong đó 2/3 xã thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài đều có các mô hình kết nghĩa như: Cặp kết nghĩa bản Phai Lầu, xã Đồng Văn, huyện Bình Liêu (Việt Nam) và thôn Chàng Nhì, trấn Động Trung, khu Phòng Thành (Trung Quốc); Cặp kết nghĩa Bản Mốc 13, Văn Tộc, xã Quảng Đức, huyện Hải Hà (Việt Nam) với thôn Lý Hỏa, Thị trấn Na Lương (Trung Quốc); Cặp kết nghĩa thôn Khu chợ, Cẩm Hắc, Đồng Thắng, xã Đồng Văn, huyện Bình Liêu (Việt Nam) và thôn Bản Hưng, trấn Động Trung, khu Phòng Thành (Trung Quốc). Qua những mô hình kết nghĩa này, nhiều hoạt động thiết thực giữa nhân dân hai nước khu vực biên giới đã được thực hiện.

2.2.4.1. Đồng bào các dân tộc thiểu số góp phần giữ gìn hòa bình, ổn định khu vực biên giới.

Tại các cặp kết nghĩa ở các xã biên giới, đồng bào các dân tộc thiểu số duy trì thực hiện nghiêm hiệp định, nghị định, các thỏa thuận song phương giữa lực lượng bảo vệ biên giới hai bên đã ký kết; thường xuyên thông tin, trao đổi về tình hình liên quan đến chủ quyền lãnh thổ, hoạt động của các loại tội phạm để phối

hợp thực hiện tốt công tác đấu tranh, ngăn chặn hiệu quả hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép qua biên giới, hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán chất ma túy, mua bán phụ nữ, trẻ em và phòng, chống các loại tội phạm ở khu vực biên giới; hoạt động của các đường dây đưa, dẫn người xuất, nhập cảnh trái phép. cùng nhau xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị và phát triển bền vững. Nhân dân hai bên cùng nhau bảo vệ không làm hư hỏng mốc quốc giới, không làm thay đổi đường biên giới, dòng chảy sông biên giới; không tham gia và không tiếp tay cho tội phạm mua, bán các chất ma túy, mua, bán người và buôn bán hàng hóa mà hai nước Việt Nam - Trung Quốc cấm; cùng nhau phối hợp giải quyết nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả tình hình có liên quan trực tiếp đến an ninh, an toàn, lợi ích của nhân dân hai thôn, khu trong khuôn khổ pháp luật. Trong những năm qua, tại các xã đề tài nghiên cứu không có vụ việc vi phạm về chủ quyền lãnh thổ, không xâm canh, xâm cư, đảm bảo tốt an ninh trật tự trên biên giới... Đồng thời việc kết nghĩa cụm cư dân biên giới cũng đã giúp công tác tuyên truyền giáo dục cho cư dân hai bên biên giới, nhất là lớp trẻ, hiểu được truyền thống văn hoá, mối quan hệ dân tộc, thân tộc lâu đời giữa hai địa phương. Qua đó đặt nền móng xây dựng ý thức trách nhiệm trong bảo vệ biên giới, xây dựng tuyến biên giới bình yên, tăng cường tình đoàn kết láng giềng, hữu nghị, giúp nhau cùng phát triển theo quan điểm, chủ trương của hai Đảng, hai Nhà nước.

2.2.4.2. Thực hiện các hoạt động giao lưu văn hóa, bảo tồn bản sắc dân tộc.

Khu vực biên giới của tỉnh Quảng Ninh và các địa phương của Trung Quốc có nhiều nét tương đồng về ngôn ngữ, phong tục, văn hóa nên công tác giao lưu, giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa, truyền thống của dân tộc, các dịp lễ hội truyền thống; giao lưu thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ được tổ chức có hiệu quả (như Bản Phai Lầu, xã Đồng Văn (Bình Liêu) có hơn 40 hộ dân tộc Dao sinh sống, vốn có quan hệ họ hàng, thân tộc với nhiều gia đình ở thôn Tràng Nhì trấn Động Trung, khu Phòng Thành (Trung Quốc). Nghiên cứu cho thấy, các xã trong phạm vi của đề tài đã thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu với hình thức phong phú, nội dung và tần suất ngày càng được mở rộng nhằm làm sâu sắc hơn tình hữu nghị giữa các đại phương hai bên. Các xã đã tổ chức các cuộc giao lưu

văn hóa văn nghệ, các hoạt động giao hữu thể dục thể thao, các trò chơi dân tộc... vào các dịp lễ hội truyền thống như: Lễ hội ngày 03/3 âm lịch, ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6, ngày rằm trung thu 15/8, ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 02/9, ngày Quốc khánh nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa 01/10, Tết cổ truyền. Từ các hoạt động đó đã góp phần củng cố, vun đắp mối quan hệ truyền thống tốt đẹp giữa hai dân tộc, thân tộc, dòng họ vốn lâu đời giữa hai bên; giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa, truyền thống của dân tộc, cùng nhau xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị và phát triển bền vững.

Thông qua các hoạt động ngoại giao nhân dân thiết thực, đa dạng, đồng bào các dân tộc thiểu số tại các xã biên giới đã góp phần củng cố và thúc đẩy hơn nữa tình đoàn kết hữu nghị với các địa phương của Trung Quốc. Từ những hoạt động giao lưu về mọi mặt, các xã biên giới đã góp phần truyền tải thông điệp hòa bình, hợp tác, làm rõ hơn vai trò là cửa ngõ, cầu nối của tỉnh Quảng Ninh với các địa phương của Trung Quốc.

Có thể thấy, trong nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, công tác phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới đã được thực hiện quyết liệt, hiệu quả. Cụ thể hóa những quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành nhiều chủ trương lớn, triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh. Nhận thức rõ vai trò của mình, đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh đã có sự phối hợp với các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Những kết quả nêu trên đã khẳng định tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện tốt những nhiệm vụ, giải pháp đề ra từ đầu nhiệm kỳ. Với 3 địa phương biên giới mà đề tài nghiên cứu là xã Đồng Văn, xã Quảng Đức và xã Bắc Sơn, đồng bào dân tộc thiểu số nơi đây đã có những nỗ lực rất lớn trong việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cũng như chung tay bảo vệ biên cương Tổ quốc. Hiện nay, trên biên giới của tỉnh, các địa phương có nhiều đổi thay về tư duy, cách làm trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với quản lý, bảo vệ, giữ vững chủ quyền an ninh biên giới; xây dựng biên giới giàu mạnh và người dân ngày càng có cuộc

sống ấm no, bình yên và hạnh phúc. Với những quyết sách phù hợp của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự nỗ lực của các đơn vị, chính quyền địa phương và sự phối hợp của đồng bào các dân tộc thiểu số tình hình chủ quyền lãnh thổ, an ninh trật tự, vấn đề dân tộc, tôn giáo dọc tuyến biên giới tỉnh Quảng Ninh được giữ ổn định. Đây là nền tảng quan trọng giúp tỉnh Quảng Ninh giữ vững môi trường ổn định để tập trung phát triển kinh tế và ổn định, nâng cao đời sống nhân dân.

2.3. Một số khó khăn, hạn chế.

Công tác phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh những năm 2021-2024 đã cho thấy những thành tựu quan trọng. Tuy nhiên do tác động của bối cảnh quốc tế và trong nước, cùng với những đặc điểm riêng rất phức tạp của khu vực biên giới nên vẫn còn tồn tại những vấn đề chưa được giải quyết triệt để, chưa đạt được mục tiêu đã đề ra tại các Nghị quyết, các Chương trình lớn của Tỉnh, cụ thể như sau:

2.3.1. Trong phát triển kinh tế.

Xét một cách tổng thể, những năm qua, Quảng Ninh đã có nhiều thành tựu trong công tác phát triển kinh tế, xã hội các dân tộc thiểu số khu vực biên giới. Tuy nhiên, ở một số nội dung, lĩnh vực vẫn còn những khó khăn nhất định. Với đặc thù là vùng biên giới xa xôi, không thuận lợi về giao thông vận tải nên các mô hình phát triển sản xuất quy mô còn nhỏ lẻ và chưa bền vững; việc triển khai các mô hình liên kết sản xuất còn gặp nhiều khó khăn. Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, du lịch chưa nhiều, chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế. Các doanh nghiệp trên địa bàn xã chủ yếu là các hợp tác xã nhỏ, nguồn vốn hoạt động thấp. Bên cạnh đó còn gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch Covid-19, đầu ra của các sản phẩm không ổn định... Nghiên cứu chỉ ra tại 3 xã trong phạm vi nghiên cứu của đề tài đều không có những xí nghiệp, nhà máy lớn đầu tư sản xuất, do đó chưa phát huy hết thế mạnh của mỗi địa phương cũng như nâng cao năng suất lao động, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

Bên cạnh đó, nhận thức trong phát triển kinh tế người dân còn hạn chế, một số hộ còn trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Cả 3 xã nghiên cứu đều có tỷ lệ người dân tộc thiểu số cao, sản xuất nông lâm nghiệp là chủ yếu (chiếm

95%), lao động đã qua đào tạo và có tay nghề thấp, vì vậy khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm. Phần lớn người dân còn hạn chế về trình độ và kiến thức khoa học kỹ thuật, tập quán thói quen trong canh tác sản xuất nhỏ lẻ, manh mún.

Những nỗ lực của tỉnh Quảng Ninh trong những năm qua đã giúp khu vực biên giới có sự phát triển đáng kể. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, tình hình kinh tế - xã hội khu vực này còn khoảng cách rất lớn với miền xuôi; đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Điều này sẽ ảnh hưởng đến khả năng bảo vệ Tổ quốc, đảm bảo an ninh trật tự khu vực biên giới của người dân.

2.3.2. Trong bảo tồn văn hóa truyền thống.

Đầu tiên là từ trong nhận thức. Không ít các cấp, ngành và người dân vẫn chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác quy hoạch, quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc mình. Do đó trong cộng đồng dân cư, đặc biệt là thế hệ trẻ chỉ coi trọng vấn đề phát triển kinh tế, chưa có sự quan tâm và tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ của địa phương; chưa có sự chung tay bảo tồn, khôi phục những nét văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Số liệu thống kê chỉ ra tại các xã trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, người dân tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ tại nhà văn hóa xã đạt 50%, tham gia luyện tập thể thao đạt 40% chưa cao. Do đó cần có chính sách vận động, thu hút đồng bào tham gia các hoạt động này đông đảo hơn nữa, qua đó nâng cao hiệu quả bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

Trong việc bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống vẫn đang đối mặt với một số khó khăn lớn. Về nhà ở, hiện nay hầu hết các dân tộc thiểu số đã cải tiến kết cấu nhà ở theo xu hướng hiện đại; việc sử dụng trang phục truyền thống của người Sán Dìu, người Tày, người Dao Thanh Y trên địa bàn 3 xã nghiên cứu hiện nay không được sử dụng hàng ngày; đối với người Sán Chỉ, người Dao Thanh Phán, trang phục truyền thống được sử dụng hàng ngày nhưng chỉ ở đội ngũ người lớn tuổi; về lễ tết và tín ngưỡng truyền thống cơ bản còn lưu truyền, song hiện nay cũng đã và đang có một số tộc người có chiều hướng Việt hóa lễ tết, tín ngưỡng của dân tộc mình; hầu hết các đồ dùng, vật dụng truyền thống bằng chất lượng mây, tre, gỗ, lạt như nông cụ (cày, bừa...), vật dụng sinh hoạt (nón, mũ, bàn

ghế, giỏ đựng, thúng, mủng, nơm, đơm...) đã dần thay thế bằng các vật dụng hiện đại với chất liệu nhựa, sắt... Thậm chí có những vật dụng hiện đã không còn tồn tại (các đồ nghề bắt cá: đơm, đó bắt cá, nơm úp cá, giỏ đựng cá, ...) mà thay thế bằng các vật dụng có tính hủy diệt, phá hủy môi trường tự nhiên (xung điện, lồng bắt quai,...). Nhìn chung, chính sách bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số đã mang lại những kết quả nhất định. Tuy nhiên cùng với quá trình phát triển kinh tế, di dịch cư, mặt trái cơ chế thị trường đã làm tăng nguy cơ mai một bản sắc văn hóa của đồng bào. Nếu không có chính sách đủ mạnh, phù hợp, đổi mới cách làm để nâng cao hiệu quả chính sách thì sẽ khó bảo tồn và phát triển sự đa dạng và những bản sắc văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc thiểu số khu vực miền núi, biên giới.

Trong giai đoạn hiện nay, việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, tuy nhiên chưa có cơ chế cụ thể đối với sự vào cuộc của người dân trong việc giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc ở trên địa bàn. Những người nắm giữ được bản sắc văn hóa truyền thống chưa có sự công nhận hay có chế độ đãi ngộ phù hợp nên khó khăn trong công tác lan tỏa và gìn giữ văn hóa truyền thống. Bên cạnh đó, hầu hết lực lượng tham gia các hoạt động du lịch trên địa bàn chưa được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ, kiến thức về du lịch nên việc lan tỏa văn hóa truyền thống đối với du khách chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

2.3.3. Trong giữ gìn an ninh, trật tự.

Cả 3 xã đề tài nghiên cứu đều có đặc trưng địa bàn trải dài, địa hình đồi núi phức tạp nên nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh là rất khó khăn. Thực tế đó đã chứng minh, trong quá trình bảo vệ vùng biên, đồng bào các dân tộc thiểu số cùng với các lực lượng chức năng đã có nhiều nỗ lực, cố gắng nhưng vẫn không thể quán xuyến, bảo đảm an ninh một cách triệt để trên địa bàn. Tại các xã biên giới vẫn còn xảy ra một số tình hình tội phạm như tội phạm ma túy, buôn bán người, xuất nhập cảnh trái phép, buôn lậu và gian lận thương mại. Những loại hình tội phạm này diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng tới an ninh trật tự vùng biên. Bên cạnh đó việc phát triển kinh tế - xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn cũng

ảnh hưởng đến khả năng bảo đảm quốc phòng, an ninh của nhân dân nơi đây. Do còn tập trung phát triển kinh tế nên hoạt động của các tổ tự quản, mô hình an ninh cơ sở chưa phát huy hết được vai trò của mình. Cùng với đó, vì khó khăn kinh tế, có những trường hợp người dân đã có những hoạt động tiếp tay cho tội phạm như xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc tìm kiếm việc làm, đưa người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào địa bàn. Hoạt động chỉ đạo công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, xây dựng, quản lý lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên có địa phương chưa chặt chẽ; sự quản lý, điều hành của chính quyền địa phương có mặt chưa tương xứng với yêu cầu đòi hỏi của tình hình. Đây là những hoạt động cần sự tuyên truyền, quán triệt cũng như đẩy mạnh phòng, chống từ chính quyền cũng như các lực lượng chức năng để góp phần đảm bảo an ninh trật tự tại các xã biên giới.

2.3.4. Trong việc tham gia các hoạt động đối ngoại nhân dân.

Với mục tiêu xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển, những năm qua, giữa tỉnh Quảng Ninh với các địa phương của Trung quốc, công tác đối ngoại được quan tâm đẩy mạnh. Hoạt động kết nghĩa giữa các địa phương đã giúp thắt chặt hơn mối quan hệ giữa nhân dân hai bên. Tuy nhiên trong giai đoạn từ 2021-2024, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và những khó khăn trong kinh tế cửa khẩu của hai nước, công tác ngoại giao nhân dân ít nhiều bị tác động. Hoạt động của các cụm kết nghĩa dân cư hai bên biên giới, các hoạt động giao lưu, gặp gỡ trao đổi, thăm thân... qua lối mở biên giới, cửa khẩu gặp nhiều khó khăn. Thực trạng này đòi hỏi các cấp chính quyền cần có những nội dung, hình thức phong phú hơn để tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao nhân dân giữa hai bên. Cùng với đó, nghiên cứu mở rộng hơn các mô hình kết nghĩa, hợp tác để nhân dân hai nước có điều kiện để đẩy mạnh giao lưu, hợp tác, thắt chặt tình cảm cũng như giữ vững hòa bình, ổn định khu vực biên giới.

2.4. Nguyên nhân của hạn chế.

2.4.1. Nguyên nhân khách quan.

Khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên không thuận lợi, dân cư thưa thớt, đất canh tác manh mún. Xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, tập quán canh tác còn lạc hậu, khó tiếp thu khoa học, kỹ thuật. Trình

độ phát triển của các thành phần dân tộc trong tỉnh chưa đồng đều, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực trong vùng thấp. Trình độ học vấn của một bộ phận cán bộ cơ sở và phần lớn đồng bào các dân tộc ở các xã biên giới còn thấp.

Kết cấu hạ tầng tuy được đầu tư nhiều, song đến nay vẫn thiếu, chưa đồng bộ; điều kiện tiếp cận các dịch vụ và tiến bộ khoa học kỹ thuật còn nhiều khó khăn.

Các địa phương giáp biên giới luôn tiềm ẩn các yếu tố bất lợi dễ gây nên các tệ nạn xã hội và nguy cơ bất ổn về quốc phòng, an ninh trong vùng.

Do tác động từ thiên tai, dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng khá nhiều đến việc phát triển kinh tế, xã hội đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới. Trong những năm từ 2021-2024, hoạt động giao lưu giữa các xã biên giới tỉnh Quảng Ninh với các địa phương kết nghĩa của Trung Quốc bị gián đoạn do diễn biến phức tạp của dịch bệnh.

2.4.2. Nguyên nhân chủ quan.

Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp về công tác dân tộc chưa đầy đủ. Công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để đồng bào các dân tộc hiểu rõ và chủ động tham gia phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới còn hạn chế.

Tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thiếu ý chí vươn lên thoát nghèo của một bộ phận đồng bào ở vùng dân tộc thiểu số khu vực biên giới; phong tục, tập quán canh tác lạc hậu, làm ăn manh mún là những yếu tố cản trở đến việc phát triển kinh tế - xã hội trong vùng; nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới còn chưa đầy đủ.

Ở một số xã biên giới hệ thống chính trị cơ sở có lúc, có nơi hoạt động chưa hiệu quả. Việc nắm tình hình nhân dân vùng dân tộc thiểu số, việc phát huy vai trò người có uy tín; nắm và tiếp cận chức sắc, cốt cán trong tôn giáo còn hạn chế.

Tiểu kết chương 2: Nhìn chung, trong giai đoạn 2021-2024, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện những chính sách quan trọng đối với đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới. Những chính sách trên tất cả các lĩnh vực đã có những tác động lớn, giúp khu vực biên giới có những bước tiến không ngừng: kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, nâng cao, văn hóa truyền thống được bảo

tồn, phát huy; hoạt động đối ngoại nhân dân được triển khai thực hiện có hiệu quả. Những điều đó góp phần tạo nên cục diện ổn định về quốc phòng, an ninh khu vực biên giới của tỉnh Quảng Ninh. Xét một cách tổng thể, những năm qua Quảng Ninh là tỉnh có được sự ổn định về chính trị, quốc phòng, an ninh được giữ vững, là nền tảng thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững về mọi mặt của địa phương. Vui mừng với những kết quả đạt được nhưng không thể bỏ qua những khó khăn, những vấn đề còn tồn tại ở khu vực biên giới của tỉnh. Vấn đề này đòi hỏi tỉnh Quảng Ninh cần xây dựng hệ thống giải pháp đồng bộ để tiếp tục phát huy những gì đã làm được, đồng thời khắc phục những vấn đề còn tồn đọng để có thể phát huy hơn nữa vai trò của đồng bào các dân tộc thiểu số trong quá trình xây dựng và phát triển.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH TẠI CÁC XÃ BIÊN GIỚI CỦA TỈNH QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN 2025-2030.

3.1. Dự báo tình hình khu vực biên giới thời gian tới.

3.1.1. *Tình hình phát triển kinh tế - xã hội.*

Trong giai đoạn tới, nhờ có sự quan tâm, lãnh đạo của Đảng và chính sách của Nhà nước, quyết tâm của tỉnh Quảng Ninh cùng với sự nỗ lực, cố gắng vươn lên của người dân, kinh tế ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh tiếp tục có những bước phát triển phát triển, cơ cấu kinh tế của các địa phương có sự chuyển dịch tích cực, sinh kế của người dân ngày càng đa dạng, thu nhập được nâng lên, đời sống không ngừng cải thiện.

Theo xu hướng chung cơ cấu kinh tế của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh đang chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Tuy nhiên, chuyển dịch cơ cấu lao động chậm, lao động chủ yếu vẫn làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp. Thế mạnh của đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu vẫn là phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp. Trong đó chủ yếu là chăn nuôi đại gia súc, trồng cây công nghiệp, cây dược liệu và phát triển kinh tế lâm nghiệp. Công nghiệp chủ yếu là chế biến nông, lâm sản; phát triển du lịch chủ yếu là du lịch sinh thái, trải nghiệm gắn với văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc thiểu số. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới không ngừng được nâng cao. Công tác chăm lo sức khỏe mọi mặt, nâng cao trình độ dân trí người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm

Bên cạnh đó, Quảng Ninh cũng có những khó khăn, thách thức nhất định như: sự biến đổi của thời tiết ngày càng cực đoan; tình hình chính trị - kinh tế thế giới có những diễn biến khó lường; sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, internet và mạng xã hội ngày càng tham gia trực tiếp và đời sống xã hội vùng dân

tộc thiểu số có những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến tư duy, hành động của một bộ phận người dân. Bản sắc văn hóa truyền thống của một số dân tộc thiểu số trên địa bàn đã có sự giao thoa, biến đổi mạnh mẽ, đòi hỏi phải có sự nhạy bén, quyết liệt trong định hướng chỉ đạo phù hợp với yêu cầu khách quan.

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số cũng bộc lộ những bất cập nhất định cần có sự điều chỉnh phù hợp.

Tỷ lệ người lao động qua đào tạo trong các dân tộc thiểu số còn thấp; việc ứng dụng chuyên giao kỹ thuật, công nghệ còn hạn chế, kỹ năng và tác phong lao động ở một số nơi chưa bắt kịp thời cuộc.

3.1.2. Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước.

Đảng và Nhà nước luôn xác định vấn đề dân tộc là một nội dung quan trọng luôn được ưu tiên hàng đầu trong hoạch định chiến lược phát triển kinh tế-xã hội. Các cấp, các ngành, cả hệ thống chính trị luôn dành sự quan tâm đặc biệt; đầu tư phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành những chính sách đột phá, bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới theo tinh thần của Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra. Những chính sách lớn về đồng bào dân tộc thiểu số, về khu vực biên giới tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện, cụ thể như “Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2030” của Chính phủ; Nghị quyết số 23/NQ-CP, ngày 2/3/2022 của Chính phủ về phát triển kinh tế khu vực biên giới đất liền... Chính sách dân tộc được thực hiện nhất quán và quyết liệt tiếp tục khẳng định sự quan tâm, đầu tư rất lớn của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là khu vực biên giới.

Cụ thể hóa những chính sách của Đảng và nhà nước, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục có sự quan tâm và những cách làm sáng tạo, đột phá nhằm phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới. Tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nhiều chính sách riêng có để vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, từng bước thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, chênh lệch vùng, miền và nâng cao

chất lượng đời sống của nhân dân. Nhiệm vụ trọng tâm của công tác dân tộc là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 17/5/2021 về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

3.1.3. Tình hình quốc phòng, an ninh.

Thời gian tới, tình hình thế giới, khu vực, trong nước sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó dự báo; sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; thách thức an ninh phi truyền thống, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, thảm họa tự nhiên sẽ tác động trực tiếp đến lợi ích, an ninh quốc gia của Việt Nam.

Tỉnh Quảng Ninh có những thuận lợi cơ bản, cũng phải đối diện với những khó khăn, thách thức; các thế lực thù địch, phản động tiếp tục lợi dụng địa bàn để đẩy mạnh thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, tuyên truyền, xuyên tạc, phá hoại, chia rẽ nội bộ, thúc đẩy các yếu tố “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Khu vực biên giới, cửa khẩu, phía nước ngoài đẩy mạnh xây dựng các công trình bảo vệ biên giới, thực hiện chính sách dịch chuyển thương mại, thắt chặt chính sách biên mậu, gây ảnh hưởng đến giao thương tại các cửa khẩu; đời sống nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn; tình trạng khiếu kiện, hoạt động của các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, sử dụng công nghệ cao, tội phạm ma túy, tổ chức đưa, dẫn người xuất nhập cảnh trái phép còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Tình hình trên đòi hỏi nâng cao hơn nữa vai trò, sức mạnh của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là các dân tộc thiểu số khu vực biên giới, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững chắc tham gia xây dựng, quản lý và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới của Tổ quốc.

3.2. Các giải pháp phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh.

3.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền sở tại và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cho đồng bào các dân tộc thiểu số về nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

3.2.1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền sở tại về nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, cơ quan, đơn vị về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc; luôn xem đây là vấn đề quan trọng, cấp bách, lâu dài, là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị.

Tiếp tục quán triển sâu sắc và thực hiện tốt các quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh tuyên truyền những quan điểm của Tỉnh ủy Quảng Ninh, cụ thể như sau:

Một là, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới là đầu tư cho phát triển bền vững gắn liền với giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống so với vùng phát triển trong tỉnh; giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; đảm bảo quyền và cơ hội bình đẳng giới; nâng cao mặt bằng dân trí và chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nhằm đạt được mục tiêu “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Hai là, tập trung huy động, ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách được ban hành, trong đó nguồn lực Nhà nước giữ vai trò quan trọng, quyết định để huy động và thu hút các nguồn lực khác. Lấy phát triển sản xuất, nâng cao đời sống và thu nhập của người dân làm mục tiêu cốt lõi, từ đó thu hẹp nhanh hơn khoảng cách chênh lệch về phát triển giữa các vùng miền trong tỉnh; lấy phát triển, hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu, có tính động lực là nhiệm vụ tiếp tục ưu tiên thực hiện nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân; lấy phát huy vai trò chủ thể của chính cộng đồng, người dân và tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số là giải pháp trung tâm để triển khai thực hiện.

Ba là, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới phải đi đôi với bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, nguồn nước, hệ động thực vật, bảo tồn đa dạng sinh học; đặc biệt là bảo vệ và phát triển rừng góp phần đảm bảo an ninh môi trường, an ninh nguồn nước và hình thành vốn tài nguyên du lịch sinh thái làm cơ sở tạo sinh kế bền vững cho người dân.

Bốn là, cùng với đầu tư phát triển kinh tế - xã hội phải coi trọng giữ vững ổn định chính trị, không ngừng củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc. Phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng công an, quân đội, biên phòng với các cấp, các ngành, đoàn thể, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nhân dân; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, biên giới quốc gia, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Năm là, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới có trọng tâm, trọng điểm, trước mắt tập trung ưu tiên đầu tư phát triển đối với các xã, thôn mới ra khỏi diện đặc biệt khó khăn; phát huy tiềm năng, lợi thế riêng có của các địa phương trong vùng, đi đôi với thúc đẩy phát triển liên kết vùng, kết nối với các vùng phát triển của tỉnh.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; thực hiện tốt công tác phối hợp, bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành trong việc thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh về cơ chế, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đồng thời, tăng cường công tác giám sát việc tổ chức thực hiện.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan truyền thông, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội tập trung hướng về cơ sở, đẩy mạnh tuyên truyền, khẳng định đường lối nhất quán của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc trong tình hình mới. Chú trọng tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là về quản lý, bảo vệ rừng, di cư tự

do, truyền đạo trái pháp luật, mua bán, tàng trữ, sử dụng chất ma túy, các tệ nạn xã hội, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống...

Tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của tổ chức đảng, chính quyền; đổi mới phương thức hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội các cấp; chú trọng công tác phát triển đảng viên đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới, nơi có nguy cơ không còn chi bộ đảng.

Kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc ở các cấp. Quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, có giải pháp để đảm bảo tỷ lệ cán bộ là người dân tộc thiểu số trong cấp ủy, cơ quan dân cử và các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp các cấp theo quy định. Thực hiện tuyển dụng, bố trí việc làm cho người đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp và chính sách sử dụng, đãi ngộ cán bộ là người dân tộc thiểu số đúng quy định.

Tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ, xây dựng và nhân rộng mô hình “Dân vận khéo” tại cơ sở; phát huy tốt vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Nắm chắc tình hình tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đồng bào dân tộc thiểu số để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền chỉ đạo giải quyết kịp thời bức xúc, nổi cộm xảy ra ngay tại cơ sở.

Thực hiện xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh và phát triển kinh tế - xã hội gắn với chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Xây dựng nền tảng chính trị ở khu vực biên giới ngày càng vững mạnh có vị trí rất quan trọng trong xây dựng thể trận biên phòng toàn dân, mà “cái gốc”, “cái nền” của chính trị ở khu vực biên giới là hệ thống chính trị ở cơ sở. Đây là những nhân tố cơ bản ở khu vực biên giới, là chỗ dựa đáng tin cậy của quần chúng nhân dân các dân tộc, là nơi tổ chức thực hiện thắng lợi mọi đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ở địa phương nói chung và nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, biên giới quốc gia nói riêng. Trong đó, trọng tâm là tập trung tham gia góp phần vào xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, đổi mới phương pháp, tác phong,

phương thức lãnh đạo, làm cho tổ chức đảng giữ vai trò là hạt nhân lãnh đạo trực tiếp, toàn diện ở cơ sở.

Tăng cường củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền và đội ngũ cán bộ các xã, thị trấn biên giới vững mạnh, có năng lực quản lý điều hành các mặt hoạt động ở địa phương, không để kẻ địch và phần tử xấu móc nối, lợi dụng. Xây dựng mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các xã biên giới thực sự đóng vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; đảm bảo hoạt động có chất lượng, tham gia giải quyết có hiệu quả những vụ việc xảy ra ở địa bàn, nhất là những mâu thuẫn giữa các dân tộc, trong nội bộ từng dân tộc, không để xảy ra các “điểm nóng” về an ninh trật tự trên địa bàn.

Cần tập trung tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong giữ gìn và phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; đấu tranh bài trừ các hủ tục lạc hậu, ngăn ngừa những tư tưởng và hoạt động tuyên truyền phản văn hóa, phản tiến bộ của các thế lực thù địch. Phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục, các nhà trường ở các xã biên giới thực hiện các chương trình xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học. Trên cơ sở xây dựng củng cố hệ thống chính trị ở các xã biên giới vững mạnh, từ đó củng cố phong trào quần chúng tham gia quản lý, bảo vệ chủ quyền, biên giới quốc gia thành phong trào rộng khắp, có chất lượng, hiệu quả cao.

3.2.1.2. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đồng bào các dân tộc thiểu số về nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới về nhiệm vụ bảo vệ biên giới quốc gia trong tình hình mới.

Tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tỉnh Quảng Ninh; các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn của cấp trên; giữ vững phương châm, nguyên tắc, luôn tạo sự thống nhất, chặt chẽ trong lãnh đạo, chỉ huy, chỉ đạo đối với công tác tuyên truyền, giáo dục.

Mặt khác, cần đẩy mạnh phong trào phong trào thi đua yêu nước của địa phương, phong trào thi đua “Dân vận khéo” và các phong trào do Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội phát động; nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt về công tác dân vận trong tình hình mới.

Đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, giáo dục, phù hợp với từng đối tượng, tình hình thực tế của địa bàn biên giới.

Để đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục cần tập trung vào đổi mới công tác tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; xây dựng ý thức cảnh giác cánh mạng, làm cho đồng bào nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, sẵn sàng đập tan mọi thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị; xây dựng lực lượng chính trị, thế trận biên phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

Xuất phát từ đối tượng tuyên truyền, giáo dục là đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới, trình độ nhận thức còn hạn chế, không đồng đều, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, phân bố không đều. Do vậy, hình thức tuyên truyền, giáo dục, cần nghiên cứu cụ thể, sát với nhiệm vụ, địa bàn, đối tượng; coi trọng phối hợp với các lực lượng ở địa phương lập tổ công tác, tham gia đội công tác liên ngành do địa phương chủ trì và tổ chức. Nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động kết nghĩa, cán bộ tăng cường cơ sở, tổ công tác dân vận; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số, nhất là các già làng, trưởng bản. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các lực lượng tham gia để xác định cơ chế phối hợp, xây dựng chương trình hành động, các phong trào thi đua phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn đóng quân.

Chăm lo xây dựng biên giới vững mạnh về mọi mặt, trước hết là vững mạnh về chính trị, kinh tế - xã hội phát triển, góp phần cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, tạo cơ sở vật chất để tăng khả năng tiềm lực bảo vệ chủ quyền biên giới và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở khu vực biên giới.

Phát huy hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ Bộ đội Biên phòng tăng cường các xã, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, hoạt động và có chính sách ưu đãi đối với số cán bộ trên. Biên chế, cơ cấu tổ chức hợp lý để Bộ đội Biên phòng đảm bảo quân số và trang bị kỹ, chiến thuật ngày càng hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đang đặt ra trong tình hình mới.

Xây dựng, củng cố nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục.

Đội ngũ cán bộ ở cơ sở là lực lượng nòng cốt đảm nhiệm công tác tuyên truyền, giáo dục, có chức năng tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, biện pháp tiến hành, giúp các cấp lãnh đạo, chỉ huy chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục. Các cấp ủy đảng cần lựa chọn những cán bộ làm công tác vận động quần chúng có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, nói đi đôi với làm, nói ít làm nhiều, có năng lực vận động quần chúng, biết tiếng các dân tộc, sống hòa đồng, gần gũi, tôn trọng quần chúng nhân dân, học và làm theo tư tưởng của Bác: “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”. Trong đó, đặc biệt chú trọng công tác quy hoạch, lựa chọn, bồi dưỡng, sử dụng để có đội ngũ chuyên gia giỏi, cán bộ “Dân vận khéo” là người dân tộc thiểu số; đề xuất các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ dân vận ở khu vực biên giới.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo cho cán bộ nắm vững yêu cầu, nhiệm vụ của công tác dân vận hiện nay; thực hiện “bốn cùng”: cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng nói tiếng dân tộc với đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

3.2.2. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện các giải pháp phát triển bền vững kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

3.2.2.1. Phát triển bền vững kinh tế các xã khu vực biên giới.

Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt và đảm bảo vệ sinh môi trường tại các địa phương biên giới.

Tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt và ô nhiễm môi trường vùng biên giới. Mục tiêu đến năm 2025, giải quyết dứt điểm vấn đề nhà tiêu không hợp vệ sinh, đảm bảo 100% các hộ dân chăn nuôi gia súc, gia cầm có chuồng trại hợp vệ sinh.

Các xã khu vực biên giới phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện Đề án giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với việc giao đất, cho thuê đất cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân

cur trên địa bàn. Tổ chức lấy ý kiến, tham gia ý kiến đối với đồ án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của các địa phương một cách phù hợp nhất.

Phát triển kinh tế, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương khu vực biên giới.

Tập trung ưu tiên hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu, trong đó chủ yếu là nâng cấp, cải tạo, duy tu, bảo dưỡng, đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, xác định một số dự án có tính động lực phục vụ trực tiếp cho việc thúc đẩy phát triển, liên kết sản xuất, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống người dân, củng cố tiêu chí để phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo. Trong đó, đặc biệt ưu tiên phát triển hạ tầng kết nối mang tính động lực giữa 3 cửa khẩu Hoàng Mô - Bắc Phong Sinh - Móng Cái. Việc xây dựng hạ tầng ở 3 cửa khẩu này có tác động rất lớn đến việc phát triển kinh tế tại 3 xã đề tài nghiên cứu.

Hình thành, nhân rộng và phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo vùng chuyên canh tập trung, có quy mô lớn, theo quy hoạch, định hướng và hướng dẫn của chính quyền địa phương gắn với thực hiện Chương trình “Tỉnh Quảng Ninh - Mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP)”;

coi trọng ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao, sản xuất đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm.

Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng diện tích trồng các cây có giá trị cao, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm đặc sản theo chuỗi giá trị, phù hợp với từng địa bàn như: cây dược liệu (trà hoa vàng) tại xã Bắc Sơn, trồng rừng gỗ lớn tại xã Quảng Đức, trồng cây dược liệu và chăn nuôi gia súc tại xã Đồng Văn.

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 28/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, đảm bảo người dân có thu nhập ổn định từ rừng, ổn định sinh kế bền vững.

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các chợ biên giới, miền núi chợ nông thôn và các loại hình chợ phù hợp, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của người dân, gắn với phát triển du lịch khám phá, trải nghiệm. Duy trì và phát

huy các chợ phiên ở Đồng Văn - Bình Liêu, phiên chợ vùng cao Pò Hèn, xã Hải Sơn có sự tham gia của đồng bào các dân tộc xã Hải Sơn, xã Bắc Sơn. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử.

Đẩy mạnh thực hiện mô hình bộ đội gắn với đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới trong phát triển kinh tế.

Tiếp tục củng cố và phát huy hiệu quả của mô hình cử cán bộ biên phòng tăng cường các xã tuyến biên giới làm phó bí thư đảng ủy xã góp phần tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương xây dựng các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, gắn với củng cố quốc phòng, an ninh ở cơ sở. Đây là mô hình được đánh giá là mang lại hiệu quả thiết thực tại các xã biên giới của tỉnh trong những năm qua.

Rà soát, đánh giá kết quả triển khai các mô hình của Đoàn kinh tế quốc phòng 327 và các lâm trường tại các xã, thôn bản khu vực biên giới của tỉnh đề đề xuất, triển khai thực hiện các giải pháp phát huy tốt hiệu quả hoạt động của các mô hình bộ đội gắn với đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Căn cứ Hướng dẫn của Bộ Quốc phòng để tiếp tục xây dựng, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế xã hội, mô hình bộ đội gắn với đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới phù hợp với thực tiễn của tỉnh, gắn với xây dựng các điểm dân cư tập trung, bố trí việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới.

3.2.2.2. Đảm bảo an sinh xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú. Tạo điều kiện thuận lợi để học sinh người dân tộc thiểu số được hòa nhập phát triển trong môi trường chung; tiếp tục cải thiện, nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và điều kiện sinh hoạt cho giáo viên, học sinh. Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp các phòng học, các phòng phụ trợ để nâng cao chất lượng dạy và học trong các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh; bảo đảm thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục giữa các vùng, miền và dân tộc. Đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản

lý, giáo viên cốt cán các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, tiểu học, tạo tiền đề và bảo đảm điều kiện thuận lợi để mỗi người dân đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới đều có cơ hội thụ hưởng công bằng thành quả của nền giáo dục và sự phát triển của tỉnh. Có cơ chế ưu tiên trong phân bổ, sử dụng nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục đào tạo đối với đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học ngoại ngữ, coi trọng dạy, học và sử dụng tiếng Anh, tiếng Trung. Đẩy mạnh phân luồng sau học trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Có cơ chế phù hợp để tất cả học sinh dân tộc thiểu số khu vực biên giới tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông nhưng không có nhu cầu, điều kiện hoặc khả năng để học tiếp lên bậc học cao hơn được học nghề, đào tạo nghề và tìm được việc làm tại tỉnh; có cơ chế, chính sách ưu đãi hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số khu vực biên giới trong các trường dân tộc nội trú trúng tuyển đại học những ngành, nghề mà tỉnh khuyến khích, thu hút.

Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới; đào tạo, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

Tiếp tục cụ thể hóa và triển khai thực hiện Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 16/8/2017 triển khai thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về “đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số, Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân

tộc thuộc diện tuyển sinh vào Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Quảng Ninh, góp phần đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ và phát triển nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số. Có chính sách đặc thù đối với việc tuyển dụng công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số và công chức, viên chức làm việc tại khu vực biên giới. Xây dựng chính sách tạo nguồn cán bộ nữ dân tộc thiểu số, hỗ trợ nâng cao năng lực bảo đảm đủ khả năng tham gia vị trí lãnh đạo, quản lý các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp tại các xã biên giới.

Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Tập trung định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp vào học nghề; nghiên cứu, mở các chương trình bổ túc dạy nghề cho học sinh bậc Trung học phổ thông

Rà soát, đánh giá thực trạng lao động, việc làm của thanh niên dân tộc thiểu số khu vực biên giới, từ đó xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể mở các lớp đào tạo nghề, hướng nghiệp với nhiều hình thức đào tạo, phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán dân cư từng vùng cho lao động nông thôn; tham mưu cụ thể hóa và thực hiện kế hoạch đào tạo, dạy nghề cho lao động người dân tộc thiểu số. Phấn đấu đến năm 2025, trên 60% lao động trong độ tuổi được qua đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số. Đến 2030 có ít nhất 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

Mở các lớp dạy nghề với nhiều hình thức đào tạo, phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán dân cư từng vùng cho lao động nông thôn đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới nhằm giới thiệu, tạo việc làm trong ngành Than, các khu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức các lớp đào tạo có địa chỉ, đào tạo theo đặt hàng cho các lao động đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới có việc làm đúng ngành nghề ngay sau khi được đào tạo, coi đây là giải pháp đột phá, góp phần

giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới. Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ đi lại cho lao động dân tộc thiểu số khu vực biên giới vào làm việc tại các doanh nghiệp, nhất là các khu công nghiệp của tỉnh.

Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

Ngành y tế phối hợp với các địa phương tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn của trạm y tế xã. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp thu hút bác sỹ, nhất là bác sỹ người dân tộc thiểu số về công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới, nâng tỷ lệ bác sỹ trên vạn dân. Các địa phương đề xuất bổ sung cơ sở vật chất cần thiết; tăng cường quản lý, sử dụng trang thiết bị; bố trí nhân lực hợp lý để phát huy hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Triển khai các chương trình hỗ trợ dinh dưỡng và chăm sóc đối với trẻ em và bà mẹ trẻ em đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới; thực hiện các giải pháp nhằm làm giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Tiếp tục đầu tư phát triển các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, ưu tiên can thiệp giảm tử vong mẹ và tử vong trẻ em; chú trọng những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Tăng cường hướng dẫn các biện pháp vệ sinh phòng bệnh, tăng cường truyền thông về các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm, các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, vấn đề bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống. Triển khai các chương trình tiêm chủng mở rộng, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, khơi dậy các phong trào luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực của người dân đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Triển khai các chương trình “sữa học đường” và tiếp tục nghiên cứu, đổi mới chương trình giáo dục thể chất trong các nhà trường để góp phần nâng cao thể trạng, tầm vóc của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Kịp thời rà soát, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện cơ chế tài chính của các cơ sở y tế ở các địa phương khu vực biên giới theo quy định của Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương; Nghị quyết số 19-NQ/TU, Đề án 25 của Tỉnh ủy, các quy định của Trung ương và chỉ đạo chung của Tỉnh để có điều

kiện tốt hơn trong cải thiện, nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh; thu hút, giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

Khảo sát, đánh giá về thực trạng bình đẳng giới, trẻ em đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới để đề xuất các chính sách đặc thù của tỉnh cho phù hợp.

Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới đối với cán bộ làm công tác dân tộc cấp huyện, cấp xã, cán bộ các tổ chức đoàn thể xã hội.

Xây dựng và nhân rộng các mô hình về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; phát huy vai trò của phụ nữ tham gia các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, tham gia lãnh đạo, quản lý; đồng thời chú trọng đào tạo, dạy nghề, giới thiệu, tạo việc làm cho phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Huy động các nguồn lực xã hội để hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực giới và phát triển toàn diện cho trẻ em; hỗ trợ người bị xâm hại, bạo lực, buôn bán, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; hỗ trợ các dự án khởi nghiệp trên địa bàn đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới của tỉnh.

3.2.3. Bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Bảo tồn, nhân rộng và phát huy các sản phẩm văn hóa, các lễ hội truyền thống tốt đẹp các dân tộc thiểu số tại các xã biên giới như: ngày hội Kiêng gió, hát then, đàn tính, hát pả dung (xã Đồng Văn); các trò chơi dân gian như đánh quay, đẩy gậy, ném còn, hát Soóng cọ (xã Bắc Sơn); Lễ hội “Sóng Mun”, lễ cấp sắc, hát giao duyên (xã Quảng Đức) gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; hỗ trợ nghệ nhân dân gian trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận.

Hỗ trợ xây dựng, tổ chức phong trào văn hóa, văn nghệ, phát huy vai trò làm chủ về văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là đối với các chương trình, hoạt động lễ hội và biểu diễn văn hóa nghệ thuật truyền thống.

Giữ gìn, bảo tồn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa thông qua bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số; củng cố, thành lập và duy trì tổ chức tốt hoạt động của các đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống của các thôn, bản; nghiên cứu, phục dựng các lễ hội và hình thức sinh hoạt văn hóa, nhạc cụ, trang phục, kiến trúc truyền thống, đậm đà bản sắc dân tộc của cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng và phát triển hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào công cuộc xây dựng đời sống văn hóa mới, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã biên giới. Tiếp tục hỗ trợ đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình văn hóa xã, thôn, bản. Các địa phương chủ động dành quỹ đất để xây dựng, cải tạo, nâng cấp các thiết chế văn hóa; tạo không gian văn hóa đặc sắc của địa phương mình; quy hoạch, chỉnh trang, tạo cảnh quan nhà văn hóa xã, thôn bản xanh, sạch, đẹp, đảm bảo vệ sinh môi trường. Các xã, thôn xây dựng được quy chế quản lý, khai thác, sử dụng các thiết chế văn hóa được đầu tư hỗ trợ đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí. Cần thành lập được bộ phận quản lý thường xuyên đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa được đầu tư, hỗ trợ.

Chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các quy ước, hương ước thôn bản phù hợp yêu cầu thực tiễn về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng làng, bản văn hóa, xây dựng gia đình văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh trọng việc cưới, việc tang và lễ hội theo tiêu chí xã, thôn đạt chuẩn Nông thôn mới. Tối thiểu 50% thôn, bản có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

Ưu tiên đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ văn hóa là người dân tộc thiểu số cơ bản đáp ứng được về trình độ, năng lực triển khai các nhiệm vụ ở cơ sở.

Xây dựng, nhân rộng các gương điển hình tiêu biểu trong Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới, nhất là trong đội ngũ già làng, trưởng bản, người có uy tín học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số.

3.2.4. Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và hệ thống chính trị vững mạnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Triển khai tốt Nghị quyết số 03-NQ/TU và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 23/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác an ninh trật tự, quốc phòng, quan sự địa phương; tuyệt đối không để bị động, bất ngờ, bảo đảm vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững khu vực biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Tiếp tục bố trí các nguồn lực xây dựng khu vực phòng thủ vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.

Thực hiện nghiêm pháp luật về bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên. Chú trọng mở rộng đối tượng, đa dạng hóa hình thức, phương pháp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt quy hoạch dân cư, đặc biệt là ở khu vực biên giới theo hướng phát triển bền vững, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, góp phần tạo thành “phên dậu biên giới” bảo vệ vững chắc vùng biên cương của Tổ quốc. Tăng cường hợp tác quốc tế, đối ngoại nhân dân vùng dân tộc thiểu số, biên giới trên địa bàn tỉnh.

Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác dân vận của Đảng, của các cơ quan nhà nước và lực lượng vũ trang; phối hợp chặt chẽ giữa y tế dân sự và y tế quân sự, xây dựng mô hình quân - dân y kết hợp. Chủ động ngăn ngừa, kiên quyết đấu tranh với các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại mối đoàn kết, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng, nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh trật tự tại thôn, bản; phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương, cơ sở; không để bị động, bất ngờ và không để phát sinh các vụ việc phức tạp, các “điểm nóng” về an ninh trật tự.

Các địa phương chủ động trong củng cố, xây dựng hệ thống chính trị từ cơ sở vững mạnh; phát huy vai trò đội ngũ Bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn bản trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ. Tiếp tục tăng cường đội ngũ cán bộ chủ

chốt cho các xã vùng dân tộc thiểu số có điều kiện khó khăn, đi đôi với việc tăng cường đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

Phát huy tổng hợp vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân trong thực hiện công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ gắn với xây dựng nguồn cán bộ cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Làm tốt công tác tư vấn, đào tạo nghề, giới thiệu, bố trí việc làm cho quân dân là người dân tộc thiểu số sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Chăm lo xây dựng, thực hiện nghiêm quy định về tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách; bảo đảm đầy đủ vũ khí, trang bị, phương tiện cho lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Triển khai xây dựng và duy trì thực hiện có hiệu quả các chốt dân quân thường trực, dân quân biển. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ trong đó chú ý đến việc tăng cường bồi dưỡng tiếng Trung cho đội ngũ bộ đội biên phòng, cán bộ, công chức và đồng bào tại các xã khu vực biên giới.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, công tác vận động quần chúng và phát huy vai trò người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số gắn với thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới” và Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về “Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Thực hiện chuyển đổi số tại các tổ tự quản để nâng cao khả năng, vai trò trong thực hiện nhiệm vụ; bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy chữa cháy,...Nghiên cứu, bổ sung những chế độ đãi ngộ với những người tham gia các tổ tự quản để tạo động lực trong thực hiện nhiệm vụ. Thường xuyên quan tâm xây dựng đội ngũ cốt cán trong đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo phục vụ công tác nắm tình hình, vận động quần chúng, quản lý đối tượng và giải quyết các vụ việc, vấn đề phức tạp nảy sinh ở vùng dân tộc thiểu số.

3.2.5. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhân dân khu vực biên giới.

Tiếp tục tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị 04-CT/TW, ngày 06 tháng 7 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới”; Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về “hội nhập quốc tế”; Nghị định 112 của chính phủ về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền và các văn bản hướng dẫn của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về công tác ngoại giao nhân dân.

Tăng cường, đẩy mạnh công tác ngoại giao nhân dân giữa chính quyền hai bên biên giới, góp phần mở rộng quan hệ, đẩy mạnh hợp tác, phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ biên giới, đấu tranh chống tội phạm, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội khu vực biên giới. Duy trì và tổ chức Hội đàm định kỳ, đột xuất; tổ chức tuần tra song phương để quản lý chặt chẽ biên giới. Tăng cường gặp gỡ, giao lưu, thăm hỏi, chúc mừng lực lượng bảo vệ biên giới giữa hai bên nhân dịp các ngày Lễ, Tết để tăng cường sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau nhằm tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị và truyền thống.

Duy trì thực hiện nghiêm Hiệp định, Hiệp nghị, các thỏa thuận song phương giữa lực lượng bảo vệ biên giới hai bên đã ký kết; thường xuyên thông tin, trao đổi về tình hình liên quan đến chủ quyền lãnh thổ, hoạt động của các loại tội phạm để phối hợp thực hiện tốt công tác đấu tranh, ngăn chặn hoạt động vượt biên, xâm nhập trái phép qua biên giới, hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán chất ma túy, phụ nữ, trẻ em và phòng chống các loại tội phạm khác trên khu vực biên giới; hoạt động của các đường dây đưa, dẫn người xuất, nhập cảnh trái phép.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, nhằm làm cho bà con ở khu vực biên giới hiểu rõ về chủ quyền lãnh thổ, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và rộng mở của Đảng, Nhà nước ta cũng như của tỉnh Quảng Ninh; thực hiện tốt công tác tuyên truyền đặc biệt đối với nhân dân nước đối diện; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ về nghiệp vụ tuyên truyền, đặc biệt là các đối tượng trực tiếp làm nhiệm vụ tuyên truyền.

Tiếp tục chỉ đạo các xã biên giới chưa kết nghĩa tổ chức kết nghĩa bản-bản; thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, giao lưu chính trị giữa chính quyền và lực lượng bảo vệ biên giới để tăng cường tình đoàn kết, ngoại

giao nhân dân hai bên biên giới, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hợp tác, cùng phát triển.

3.3. Một số kiến nghị.

3.3.1. Đối với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Tiếp tục xây dựng, ban hành những quy định, chính sách về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dân tộc thiểu số. Quan tâm chăm lo mọi mặt nhằm phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của các dân tộc thiểu số, từ đó phát huy hơn nữa vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong công cuộc bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương khu vực biên giới tổ chức thực hiện các chính sách về công tác dân tộc, đặc biệt là các dân tộc thiểu số.

Định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá quá trình thực hiện công tác dân tộc, nhất là với các dân tộc thiểu số nhằm rút ra những thành tựu, hạn chế để tiếp tục điều chỉnh, ban hành những chính sách mới một cách phù hợp nhất.

3.3.2. Đối với các địa phương biên giới của tỉnh Quảng Ninh.

Đẩy mạnh quán triệt, tuyên truyền chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước và của tỉnh Quảng Ninh. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành trong việc thực hiện chính sách dân tộc, đặc biệt là đối với các dân tộc thiểu số trên địa bàn.

Cụ thể hóa những chính sách, những quy định của cấp trên thành những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phù hợp với điều kiện của địa phương, với đặc điểm của mỗi dân tộc trên địa bàn.

Tăng cường sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, qua đó phát huy hơn nữa vai trò của đồng bào các dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững biên giới.

Tiểu kết chương 3: Trong những năm còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025 và bước sang nhiệm kỳ 2025-2030, tỉnh Quảng Ninh đang đứng trước những tác động to lớn của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước. Khu vực biên giới của tỉnh có những thuận lợi cũng như thách thức trong quá trình xây dựng và phát triển. Điều này đòi hỏi tỉnh Quảng Ninh cần xây dựng hệ thống các giải pháp để ổn định và

hướng tới phát triển mạnh mẽ khu vực biên giới. Những giải pháp nhằm phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới được hoạch định trên cơ sở của Nghị quyết 06-NQ/TU, ngày 17/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” là cơ sở để các địa phương khu vực biên giới thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh. Các cấp chính quyền và đồng bào các dân tộc thiểu số tại các xã biên giới cần đẩy mạnh tuyên truyền và triển khai thực hiện một cách đồng bộ, quyết liệt các giải pháp trên nhằm xây dựng khu vực biên giới của tỉnh ổn định và phát triển.

KẾT LUẬN

Với đặc trưng là một địa phương có đường biên giới tiếp giáp với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh luôn là vấn đề bức thiết đối với tỉnh Quảng Ninh. Trong việc thực hiện nhiệm vụ này, đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới có vai trò đặc biệt quan trọng. Nhận thức rõ vai trò đó, những năm qua, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành nhiều chính sách lớn nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân khu vực biên giới, qua đó phát huy được vai trò của các dân tộc thiểu số trong công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Giai đoạn từ năm 2021-2024, mặc dù tình hình có nhiều diễn biến phức tạp nhưng khu vực biên giới của tỉnh Quảng Ninh cơ bản được ổn định, góp phần to lớn vào sự phát triển chung của toàn tỉnh.

Từ mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra, đề tài đã đạt một số kết quả chính sau:

Một là, hệ thống hóa và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Hai là, đề tài đã nhìn nhận và đánh giá nghiêm túc việc phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh như xã Đồng Văn (Huyện Bình Liêu), xã Quảng Đức (huyện Hải Hà) và xã Bắc Sơn (thành phố Móng Cái). Qua hoạt động nghiên cứu, khảo sát đã cho thấy hoạt động này đã đạt được những kết quả tích cực, đồng thời vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục trong thời gian tới.

Ba là, với việc tìm ra những nguyên nhân và những vấn đề đặt ra, nhóm tác giả đã đề xuất 6 nhóm giải pháp nhằm có thể phát huy hơn nữa vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các xã biên giới của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2025 - 2030.

Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025 đã nêu mục tiêu xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát

triển. Để thực hiện mục tiêu, tỉnh Quảng Ninh cần đẩy mạnh thực hiện những chính sách về công tác dân tộc, đặc biệt là đối với các dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
2. Nghị quyết 06-NQ/TU, ngày 17/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh “*về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*”.
3. Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 29/5/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân tộc trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với bảo vệ vững chắc quốc phòng an ninh tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*”.
4. “*Đề án phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*”, Tỉnh ủy Quảng Ninh, năm 2021.
5. Báo cáo số 56-BC/UBND, ngày 14/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “*sơ kết 5 năm thực hiện “ngày biên phòng toàn dân” giai đoạn 2019-2024*”.
6. Báo cáo số 210-BC/UBND, ngày 02/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “*về kết quả thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 2026-2024 và đề xuất xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 2026-2030*”.
7. Báo cáo số 205-BC/ĐU, ngày 20/5/2024 của Đảng ủy xã Đồng Văn “*về kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 17/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng*

đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030".

8. Báo cáo số 38-BC/UBND, ngày 18/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Đức “*sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 17/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh*”.

9. Báo cáo số 84-BC/UBND, ngày 20/1/2024 của Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn “*về kết quả sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 17/5/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 06-NQ/TU gắn với thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia*”.

10. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Đồng Văn các năm 2021, 2022, 2023.

11. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Quảng Đức các năm 2021, 2022, 2023.

12. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Bắc Sơn các năm 2021, 2022, 2023.

13. *Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013.

14. *Chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc*, Nxb. Văn hoá dân tộc Hà Nội, 2000.

15. Lê Ngọc Thắng, *Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam*, Nhà xuất bản Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2005.

16. Đặng Văn Hường, *Dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng, nhà nước ta (hỏi – đáp)*, Nxb Quân đội nhân dân, 2016.

17. Văn Lập, *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số*, Nxb Hồng Đức, 2018.

18. *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

19. *Giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo ở Việt Nam hiện nay nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.

20. TS Lê Xuân Hoa, *Chủ trương của Đảng về công tác dân tộc và một số giải pháp thực hiện*, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, ngày 21-9-2022.

21. Nguyễn Thứ, *Thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc ở Việt Nam*, Tạp chí Tuyên giáo, ngày 19-11-2023.